BÀI 3: NHỮNG GÓC NHÌN VĂN CHƯƠNG

(nghị luận văn học)

(Sách Ngữ văn 7 bộ ***Chân trời sáng tạo***)

TT	Tên bài	Tiết PPCT	GV soạn	Ghi chú
1	**Tri thức ngữ văn** **VB1:** Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian (Theo Trần Thị An)	27-28	Đỗ Thị Trang	
2	**VB2:** Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao "Trong đầm gì đẹp bằng sen" (Theo Hoàng Tiến Tựu)	29,30	Phan Thị Thùy Dung	
3	**Đọc kết nối chủ điểm:** Bức thư gửi chú lính chì dũng cảm (Li-xơ bớt Đao-mon-tơ)	31	Lê Thị Thanh Bình	
4	**Thực hành Tiếng Việt**: **Đọc mở rộng theo thể loại:** *Sức hấp dẫn của truyện ngắn "Chiếc lá cuối cùng"* (Theo Minh Khuê)	32, 33 34	Lê Thị Thanh Bình	
5	**Viết:** Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học.	35, 36, 37	Nguyễn Thị Ngọc	
6	**Nói và nghe:** Thảo luận nhóm về vấn đề gây tranh cãi. **Ôn tập**	38,39 40	Bùi Thị Nhiên	

BÀI 3: NHỮNG GÓC NHÌN VĂN CHƯƠNG
(Nghị luận văn học)

MỤC TIÊU CHUNG

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học; Mục đích và nội dung chính của văn bản; chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.
- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản.
- Bước đầu biết viết bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. Biết thảo luận trong nhóm về một vấn đề gây tranh cãi. Xác định được những điểm thống nhất và khác biệt giữa các thành viên trong nhóm để tìm cách giải quyết.
- Có lòng nhân ái qua việc trân trọng thấu hiểu góc nhìn của mọi người.

Tiết ... GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGỮ VĂN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học; mục đích và nội dung chính của văn bản, chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

2. Năng lực

- Năng lực chung: Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác.
- Năng lực riêng: Năng lực nhận biết đặc điểm của văn bản nghị luận, phân tích một tác phẩm văn học.

3. Phẩm chất:

- Có lòng nhân ái qua việc trân trọng, thấu hiểu góc nhìn của mọi người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Bảng giao nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp.

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. KHỞI ĐỘNG

1. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

2. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

3. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

- GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS trả lời: *Theo em văn chương là gì? Công dụng của văn chương trong đời sống của con người?*
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Từ những hiểu biết của mình về văn chương, hôm nay cô cùng các con sẽ đi tìm hiểu về những góc nhìn văn chương.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu giới thiệu bài học

1. Mục tiêu: Nắm được nội dung của bài học.

2. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

3. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ *GV giới thiệu:* Tiết học hôm nay, chúng ta tìm hiểu đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học. Tiết học này thuộc vào chủ điểm *Những góc nhìn văn chương.* Trong chủ điểm này, các em sẽ nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản. Cụm từ *"Những*	

góc nhìn văn chương" gợi cho em điều gì? Trong cuộc sống nó được thể hiện như thế nào? Vì vậy để việc hiểu những góc nhìn khác về tác phẩm văn học có ý nghĩa gì với chúng ta. Sau đây chúng ta cùng đi vào bài học. HS lắng nghe. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - HS trình bày ý kiến cá nhân. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và ghi lên bảng.	

Hoạt động 2: Khám phá Tri thức ngữ văn

1. Mục tiêu:

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học; mục đích và nội dung chính của văn bản; chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

2. Nội dung: HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

3. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
NV1: **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận. 1. Dựa vào văn bản "Sọ Dừa" em đã học ở chương trình lớp 6. Em hãy trình bày ý kiến của mình về bài học rút ra từ nhân vật Sọ Dừa? 2. Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học là gì? Mục đích viết ra là gì? **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết. Bước 3: - GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu	**1. Nghị luận văn học**

cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. **Bước 4:** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức: Bài học: + Khi xem xét, đánh giá con người không nên chỉ dữa vào hình thức bên ngoài. Điều quan trọng là xem xét phẩm chất của họ. + Con người nếu có hoàn cảnh khó khăn, không hoàn thiện về ngoại hình thì càng cần biết vươn lên để chứng tỏ giá trị bản thân. **NV 2:** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** GV gọi HS đọc phần Tri thức ngữ văn Mục đích và nội dung chính của VB nghị luận. - GV giữ nguyên nhóm, yêu cầu các nhóm tìm mục đích và nội dung chính trong văn bản Sọ Dừa? Bước 2: **HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. **Bước 3:** - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. - Dự kiến sản phẩm: Nhóm 1: Mục đích đề cao giá trị chân chính của con người và tình thương đối với người bất hạnh. Nhóm 2: Nội dung chính: Truyện cổ tích Sọ Dừa với nhân vật chính có hình hài dị dạng, thường mang lốt vật, bị mọi người xem thường, coi là "vô tích sự". Nhưng đây là nhân vật có phẩm chất, tài năng đặc biệt. Cuối cùng, nhân vật trút bỏ lốt vật, kết hôn cùng người đẹp, sống cuộc đời hạnh phúc. Truyện Sọ Dừa đề cao giá trị chân chính của con người và tình thương đối với người bất hạnh. Nhóm 3: .... Nhóm 4: ..... **Bước 4:**	- Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học là một tiểu loại của VB nghị luận. Mục đích là viết ra để bàn về một tác phẩm văn học và có những đặc điểm riêng tương ứng **2. Mục đích và nội dung chính của văn bản nghị luận.** - Mục đích của VB nghị luận là để thuyết phục người đọc, người nghe về ý kiến, quan điểm của người viết trước một vấn đề cuộc sống hoặc văn học. - Nội dung chính của văn bản nghị luận là ý kiến, quan điểm mà người viết muốn thuyết phục người đọc. Để xác định nội dung chính của văn bản

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. **NV 3:** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** Gv đặt câu hỏi: Ý kiến của em về nhân vật Sọ Dừa? **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** Hs làm việc cá nhân. **Bước 3:** GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. Dự kiến sản phẩm: - Chăm chỉ, chịu khó, không sợ gian khổ, biết giúp đỡ mẹ, tự tin vào bản thân; Giỏi dang, thông minh, lỗi lạc, thủy chung, ngay thẳng. **Bước 4:** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức:	nghị luận, ta có thể căn cứ vào nhan đề văn bản, ý kiến, lý lẽ, bằng chứng được nêu trong văn bản. **3. Ý kiến trong văn bản nghị luận** - Với văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, ý kiến lớn thể hiện quan điểm về tác phẩm cần phân tích, ý kiến nhỏ thể hiện quan điểm về các yếu tố trong tác phẩm góp phần làm sáng tỏ ý kiến lớn.

HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

1. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

2. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

3. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

- *GV yêu cầu HS:* lựa chọn một truyện cổ tích, phân tích mục đích và nội dung chính của truyện.
- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi chú
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gắn với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gắn với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học

ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TIẾT:... VĂN BẢN 1:
EM BÉ THÔNG MINH – NHÂN VẬT KẾT TINH TRÍ TUỆ DÂN GIAN

(Trần Thị An)

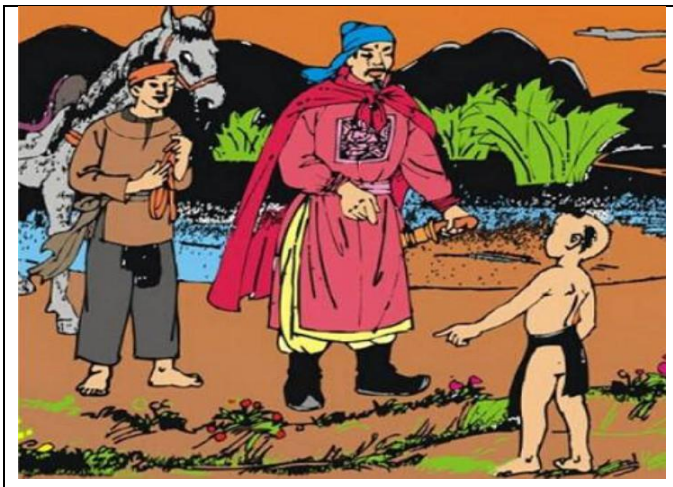

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học; Mục đích và nội dung chính của văn bản; chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.
- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản;
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các văn bản khác có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Có lòng nhân ái qua việc trân trọng thấu hiểu góc nhìn của mọi người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Khởi động

1. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

2. Nội dung: GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

3. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

4. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV chuyển giao nhiệm vụ

GV chiếu lần lượt các hình ảnh bốn lần thử thách của em bé thông minh và đặt câu hỏi.

1. Em hãy cho biết hình 1,2,3,4 ứng với những thử thách nào của em bé?

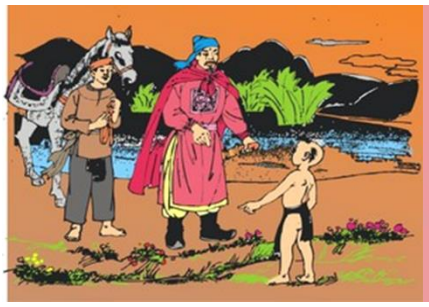

Hình 1

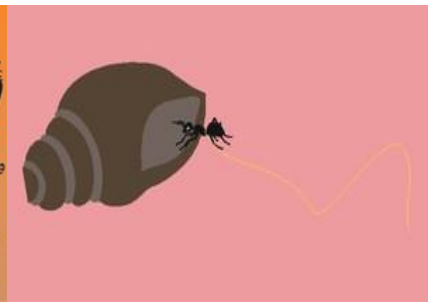

Hình 2

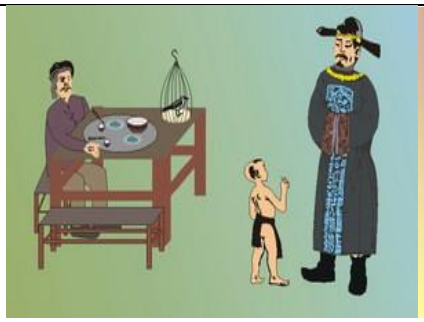

Hình 3 Hình 4

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- Hs quan sát và trả lời.
- GV quan sát, lắng nghe.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trả lời câu hỏi của GV.
- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS, chốt vấn đề bài học.

Hình 1: Thử thách thứ nhất

Hình 2: Thử thách thứ tư

Hình 3: Thử thách thứ hai

Hình 4: Thử thách thứ ba

- *GV dẫn dắt giới thiệu vào nội dung bài học.*

Trong năm học lớp 6, các em đã được tìm hiểu văn bản ***Em bé thông minh*** trong chủ đề ***Miền cổ tích***. Các em đã thấy rõ được sự thông minh, nhanh trí, hồn nhiên của em bé. Hôm nay, chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu bài học dựa trên văn bản ***Em bé thông minh*** mà các em đã được học ở chương trình lớp 6 để kết nối với chủ đề hôm nay Văn bản ***Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian*** theo Trần Thị An.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Trải nghiệm cùng văn bản

1. **Mục tiêu**: Giúp HS

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, bố cục của văn bản

2. Nội dung:

- GV sử dụng phiếu học tập giao nhiệm vụ cho học sinh
- HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.
- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

3. Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

4. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ Hướng dẫn và gọi học sinh đọc văn bản và trả lời câu hỏi. HS thực hiện kĩ thuật nhóm đôi. 1. Em có suy nghĩ gì về các thử thách với nhân vật em trong truyện Em bé thông minh? 2. Câu văn nào thể hiện ý kiến của tác giả về truyện Em bé thông minh? 3. Theo tác giả, tại sao thử thách thứ thư là quan trọng nhất? 4. Theo em, văn bản được chia làm mấy phần? **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS đọc bài - HS thảo luận theo cặp **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** Gọi 1 HS trình bày. HS còn lại theo dõi, nhận xét, bổ sung (nếu cần) **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - Nhận xét câu trả lời của học sinh. - GV chốt kiến thức và dẫn vào phần sau. 1. Các thử thách với nhân vật em trong truyện Em bé thông minh theo cấp độ khó tăng dần, đòi hỏi cậu bé phải suy nghĩ, dùng trí để giải quyết vấn đề, những câu đố hóc búa. 2. Trong truyện Em bé thông minh, thông	**1. Chuẩn bị đọc** **2. Bố cục** - 3 phần Phần 1: Từ "Kiểu truyện...nhân dân" – Giới thiệu về kiểu nhân vật thông minh Phần 2: Tiếp theo cho đến láng giềng" – Phân tích những lần thử thách của em bé thông minh. Phần 3: Còn lại – Ca ngợi trí thông minh của nhân dân.

qua bốn lần thử thách, tác giả dân gian đã đề cao trí tuệ của nhân dân. 3. Theo tác giả, thử thách thứ thư là quan trọng nhất vì thử thách này không chỉ nâng tầm em bé lên một tầm cao mới, vượt lên so với cả triều đình, chiếm vị thế áp đảo của trí tuệ nhân dân mà còn nâng tầm quan trọng của việc trả lời câu đố lên mức độ cao nhằm lấy lại danh dự vận mệnh của quốc gia. 4. 3 phần	

Hoạt động 2: Suy ngẫm và phản hồi

1. Mục tiêu

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học; Mục đích và nội dung chính của văn bản; chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.
- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản.

2. Nội dung:

- GV sử dụng phiếu học tập giao nhiệm vụ cho học sinh
- HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.
- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

3. Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

4. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
NV 1: **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm thảo luận và hoàn thành phiếu học tập: 1. Em hãy xác định ý kiến lớn, ý kiến nhỏ của văn bản dựa vào sơ đồ sau: Ý kiến lớn	**1. Tóm tắt văn bản** - Ý kiến lớn: Trong truyện Em *bé thông minh*, thông qua bốn lần thử thách, tác giả dân gian đã đề cao trí tuệ của nhân dân. - Ý kiến nhỏ 1: Thông qua thử thách đầu tiên (gắn với câu hỏi thứ nhất), tác giả dân gian đề cao sự thông minh trong ứng xử, mà chủ yếu là một phản xạ ngôn ngữ lanh lẹ và sắc sảo. - Ý kiến nhỏ 2: Ở thử thách thứ hai và thứ ba

Ý kiến nhỏ 1 Ý kiến nhỏ 2 Ý kiến nhỏ 3 .... 2. Theo em có thể thay đổi trật tự các ý kiến lớn, ý kiến nhỏ được không? 3. Cách sắp xếp trật tự các ý kiến như thế có tác dụng gì? **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết. **Bước 3: Báo cáo kết quả thảo luận** - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. -.... - Không thể thay đổi các ý kiến lớn, nhỏ vì mỗi thử thách đều theo cấp độ từ dễ đến khó, nếu thay đổi sẽ làm cho văn bản khó hiểu. - Tác dụng: làm nổi bật được sự thông minh, trí khôn, kinh nghiệm dân gian của em bé.	(gắn với câu hỏi thứ hai, thứ ba), tác giả dân gian muốn khẳng định sự mẫn tiệp của trí tuệ dân gian, qua đó bày tỏ ước mơ về một xã hội mà mọi ràng buộc chặt chẽ của quan niệm phong kiến về tầng lớp người trong xã hội đều được nới lỏng và cởi bỏ. - Ý kiến nhỏ 3: Ở thử thách thứ tư (gắn với câu hỏi cuối cùng), người kể chuyện đã nâng nhân vật em bé lên một tầm cao mới, vượt lên trên cả triều đình hai nước, nhấn mạnh vị thế áp đảo của trí tuệ dân gian so với trí tuệ cung đình.
NV2: **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ** Giáo viên chiếu đoạn văn và sử dụng kĩ thuật nhóm đôi trả lời các câu hỏi, thảo luận nhóm ở câu 4. 1. Văn bản được viết ra nhằm mục đích gì? Nội dung chính của văn bản? 2. Chỉ ra các câu văn thể hiện ý kiến nhỏ, lí lẽ, bằng chứng trong đoạn văn trên?	**2. Đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học** - **Mục đích:** Văn bản được viết nhằm thuyết phục người đọc về ý kiến: Qua truyện Em bé thông minh, tác giả dân gian đã đề cao trí tuệ của nhân dân. - **Nội dung:** Nhân vật em bé thông minh, qua bốn lần thử thách, đã thể hiện trí tuệ của dân gian, đồng thời gửi gắm ước mơ của nhân

3. Nhận xét về cách triển khai lí lẽ, bằng chứng ở đoạn này?

4. Em hãy chỉ ra các đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học trong văn bản Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian theo bảng?

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả

- HS trình bày sản phẩm
- HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.

1.

- **Mục đích:** Văn bản viết ra nhằm mục đích thuyết phục người đọc, nghe về quan điểm của tác giả về các lần thử thách của em bé trong truyện Em bé thông minh.
- **Nội dung:** Nhân vật em bé thông minh, qua bốn lần thử thách, đã thể hiện trí tuệ của dân gian, đồng thời gửi gắm ước mơ của nhân dân về một xã hội công bằng, được hưởng hạnh phúc xứng đáng.

2.

- Câu văn thể hiện ý kiến nhỏ là câu thể hiện quan điểm của tác giả về tác phẩm cần phân tích (câu 1). Câu văn thể hiện bằng chứng là những chi tiết, sự việc, trích dẫn từ VB (câu 3). Câu văn thể hiện dân về một xã hội công bằng, được hưởng hạnh phúc xứng đáng.
- Ý kiến nhỏ: Câu 1: Thông qua thử thách đầu tiên (gắn với câu hỏi thứ nhất), tác giả dân gian đề cao sự thông minh trong ứng xử, mà chủ yếu là một phần phản xạ ngôn ngữ lanh lẹ và sắc sảo.
- Lí lẽ: Câu 2: Thử thách đầu tiên là một tình huống thử thách tư duy và việc sử dụng ngôn ngữ.
- Bằng chứng: Câu 3: Trước câu hỏi khó, em bé đã đáp trả lại bằng việc ra lại câu hỏi cho người đố, để chỉ ra rằng, đây là một câu hỏi không thể có câu trả lời.

=> Ở đoạn ba, lí lẽ thể hiện quan điểm của người viết về hình ảnh nhân vật em bé thông minh trong thử thách thứ 2,3. Các bằng chứng trích ra từ văn bản và các lí lẽ đưa ra để lập luận phù hợp, thuyết phục, làm bật lên được sự thông minh , tài trí của nhân vật em bé. Cách triển khai ý kiến, lí lẽ, bằng chứng ấy đã góp phần làm tăng sức thuyết phục cho văn bản.

- Đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học:

Đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học	Biểu hiện trong văn bản Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian
Thể hiện rõ ý kiến của người viết về tác phẩm cần bàn luận	"Trong truyện Em bé thông minh, thông qua bốn lần thử thách, tác giả dân gian đã đề cao trí tuệ của nhân dân".
Đưa ra lí lẽ là những lí giải, phân tích tác phẩm.	Đề cao trí tuệ nhân dân.

<table>
<tr>
<td>lí lẽ là câu trình bày những lí giải, bình luận của người viết về bằng chứng đã đưa ra (câu 2).
3.
- Ở đoạn ba, lí lẽ thể hiện quan điểm của người viết về hình ảnh nhân vật em bé thông minh trong thử thách thứ 2,3. Các bằng chứng trích ra từ văn bản và các lí lẽ đưa ra để lập luận phù hợp, thuyết phục, làm bật lên được sự thông minh , tài trí của nhân vật em bé. Cách triển khai ý kiến, lí lẽ, bằng chứng ấy đã góp phần làm tăng sức thuyết phục cho văn bản.
4....</td>
<td>
<table>
<tr><td>Bằng chứng được dẫn ra từ tác phẩm để làm rõ cho lí lẽ.</td><td>- Thử thách đầu tiên
- Thử thách thứ hai và thứ ba
- Thử thách thứ tư</td></tr>
<tr><td>Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.</td><td>- Ý kiến 1: Thông qua thử thách đầu tiên, tác giả dân gian đề cao sự thông minh trong ứng xử, mà chủ yếu là một phản xạ ngôn ngữ lanh lẹ và sắc sảo.
- Ý kiến 2: Ở thử thách thứ hai và ba, tác giả dân gian muốn khẳng định sự mẫn tiếp của trí tuệ dân gian.
- Ý kiến 3: Ở thử thách thứ tư, người kể chuyện đã nâng nhân vật em bé lên một tầm cao mới, vượt lên cả triều đình hai.nước, nhấn mạnh vị thế áp đảo của trí tuệ dân gian so với trí tuệ cung đình…</td></tr>
</table>
</td>
</tr>
<tr>
<td>NV3:
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
GV đặt câu hỏi
1. Qua văn bản trên giúp em hiểu thêm điều gì về truyện cổ tích Em bé thông minh?
Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ
HS làm việc cá nhân, suy nghĩ trả lời. Câu 2 hs trả lời theo ý kiến cá nhân.
Bước 3: Báo cáo kết quả
- HS trình bày sản phẩm</td>
<td>3. Những góc nhìn văn chương
- Tác giả dân gian đã tập trung ca ngợi trí thông minh của nhân dân qua nhân vật em bé thông minh.
- Tác giả dân gian muốn đề cao tầng lớp lao động, thể hiện sự tự hào về trí tuệ bình dân.
- Đồng thời, truyện cổ tích còn thể hiện một ước mơ muốn có được cuộc sống xứng đáng với trí tuệ của người dân.</td>
</tr>
</table>

- HS còn lại theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. - Các lời giải đố của nhân vật em bé thông minh trong truyện thường dựa vào kiến thức từ đời sống. Việc tích luỹ kiến thức, kinh nghiệm thực tế từ hiện thực đời sống rất quan trọng. Đề cao phẩm chất trí tuệ của con người, cụ thể là người lao động nghèo. Đó là trí thông minh được đúc rút từ hiện thực cuộc sống vô cùng phong phú, qua những kinh nghiệm được tích lũy từ lao động sản xuất.	

Hoạt động 3: Luyện tập

Luyện tập	
1. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học. **2. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập. **3. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS. **4. Tổ chức thực hiện:**	
Hoạt động của giáo viên và học sinh	**Dự kiến sản phẩm**
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Phát phiếu học tập chia nhóm cho học sinh thảo luận 1. Tổng kết nội dung bài học theo sơ đồ tư duy? 2. Rút ra đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học?	

Đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học	**Biểu hiện trong văn bản Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian**

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

HS xem lại bài, thảo luận nhóm vẻ sơ đồ hoàn thành phiếu học tập.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày sản phẩm.
- Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần)

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS
- Chốt kiến thức.

Đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học	**Biểu hiện trong văn bản Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian**
Thể hiện rõ ý kiến của người viết về tác phẩm cần bàn luận	"Trong truyện Em bé thông minh, thông qua bốn lần thử thách, tác giả dân gian đã đề cao trí tuệ của nhân dân".
Đưa ra lí lẽ là những lí giải, phân tích tác phẩm.	Đề cao trí tuệ nhân dân.
Bằng chứng được dẫn ra từ tác phẩm để làm rõ cho lí lẽ.	- Thử thách đầu tiên - Thử thách thứ hai và thứ ba - Thử thách thứ tư
Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.	- Ý kiến 1: Thông qua thử thách đầu tiên, tác giả dân gian đề cao sự thông minh trong ứng xử, mà chủ yếu là một phản xạ ngôn ngữ lanh lẹ và sắc sảo. - Ý kiến 2: Ở thử thách thứ hai và ba, tác giả dân gian muốn khẳng định sự mẫn tiếp của trí tuệ dân gian. - Ý kiến 3: Ở thử thách thứ tư, người kể chuyện đã nâng nhân vật em bé lên một tầm cao mới, vượt lên cả triều đình hai.nước, nhấn mạnh vị thế áp đảo của trí tuệ dân gian so với trí tuệ cung đình…

Hoạt động 4. Vận dụng

1. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

2. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi **3. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS **4. Tổ chức thực hiện:**	
Hoạt động của giáo viên và học sinh	**Sản phẩm dự kiến**
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV đưa ra yêu cầu, hướng dẫn học sinh thực hiện bài tập ở nhà **<u>Bài tập</u>**: Những dấu hiệu nào giúp em nhận ra đoạn văn sau thuộc văn bản nghị luậnphân tích một tác phẩm văn học? "*Bên cạnh đó, sức hấp dẫn của truyện còn đến từ kết thúc hết sức bất ngờ. Cho đến cuối văn bản, cũng tức là cuối truyện ngắn, Ô Hen-ri mới để cho Xu kể lại cho Giôn-xi (lúc đó là vào buổi chiều, Giôn-xi đang vui vẻ và đan chiếc khăn choàng len màu xanh sẫm) về cái chết của cụ Bơ-mơn, về "kiệt tác" chiếc lá cuối cùng. Người kể chuyện không "nói hộ" ý nghĩ của nhân vật cụ Bơ-mơn nhưng lại cố ý "bỏ qua", không kể việc cụ đã hoàn thành bức vẽ đó trong đêm như thế nào. Nhưng đó cũng chính là ý đồ nghệ thuật của người sáng tạo mà người đọc cảm nhận được qua sự mô tả cách nhìn, thái độ, trạng thái tinh thần của cụ Bơ-mơn."* (*Theo* Minh Khuê, trích *Tác phẩm văn học trong nhà trường – Những vấn đề trao đổi*, tập 3, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012) **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ** HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn và về nhà hoàn thành bài tập **Bước 3: : Báo cáo kết quả thực hiện**	- Các dấu hiệu giúp ta nhận ra đoạn văn sau thuộc văn bản nghị luận phântích một tác phẩm văn học: + Thể hiện rõ ý kiến của người viết về tác phẩm: *Bên cạnh đó, sức hấp dẫn của truyện còn đến từ kết thúc hết sức bất ngờ.* + Có những bằng chứng trích ra từ tác phẩm (*Cho đến cuối văn bản, cũng tức là cuối truyện ngắn, Ô Hen-ri mới để cho Xu kể lại cho Giôn-xi (lúc đó là vào buổi chiều, Giôn-xi đang vui vẻ và đan chiếc khăn choàng len màu xanh sẫm*) *về cái chết của cụ Bơ-mơn, về "kiệt tác" chiếc lá cuối cùng*); lí lẽ lí giải phân tích những bằng chứng trích ra từ tác phẩm (*Người kể chuyện không "nói hộ" ý nghĩ của nhân vật cụ Bơ-mơn nhưng lại cố ý "bỏ qua" không kể việc cụ đã hoàn thành bức vẽ đó trong đêm như thế nào. Nhưng đó cũng chính là ý đồ nghệ thuật của người sáng tạo mà người đọc cảm nhận được qua sự mô tả cách nhìn, thái độ, trạng thái tinh thần của cụ Bơ-mơn*) + Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí: nêu ý kiến -> đưa ra bằng chứng -> trình bày lí lẽ

nhiệm vụ học tập: - Kiểm tra bài của học sinh, hs trình bày. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** **GV**: Nhận xét sản phẩm của hs - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết học sau	để lí giải bằng chứng. Cách sắp xếp này giúp người đọc dễ theo dõi mạch lập luận, tăng sức thuyết phục cho ý kiến.

TIẾT:... VĂN BẢN 2:

HÌNH ẢNH HOA SEN TRONG BÀI CA DAO

"TRONG ĐẦM GÌ ĐẸP BẰNG SEN"

(Theo Hoàng Tiến Tựu)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Chủ động tìm kiếm tài liệu học tập

- Ghi chép chọn lọc và sáng tạo hệ thống hóa kiến thức bằng sơ đồ tư duy.

- Nhận ra và điều chỉnh những sai sót và hạn chế của bản thân

b. Năng lực đặc thù

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn hoc.

- Nêu được mục đích và nội dung chính của văn bản, chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu ra được các vấn đề đặt ra trong văn bản.

2. Phẩm chất

- Có lòng nhân ái qua việc trân trọng, thấu hiểu góc nhìn của mọi người

- Yêu mến vẻ đẹp của văn chương

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: máy chiếu, micro, bảng, phấn, phiếu học tập

2. Học liệu: Văn bản đọc: *Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao trong đầm gì đẹp bằng sen*

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Hoạt động 1: Xác định vấn đề

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
b. Nội dung: Tổ chức trò chơi ô chữ để giới thiệu về hoa sen
c. Sản phẩm: câu trả lời của HS.
d. Tổ chức thực hiện:
B1: Giao nhiệm vụ học tập
- GV Chiếu các ô chữ cho HS lần lượt lựa chọn, HS trả lời câu hỏi GV đưa ra để tìm ra ô chữ đáp án, từ việc lập mở các ô chữ để tìm **từ khóa** của các ô chữ.

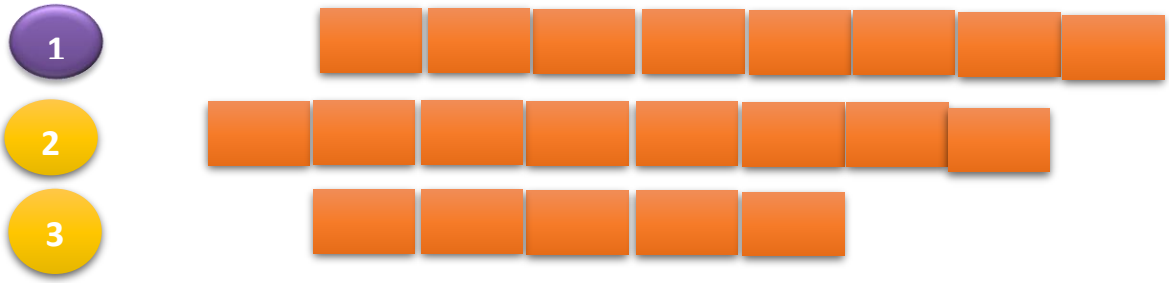

Câu hỏi:

1. Điền vào chỗ trống trong câu ca dao sau: **Ai ơi! Về tới … …,**
Cá tôm sẵn bắt, lúa trời sẵn ăn.

2. Loài hoa biểu trưng cho một nước được gọi là gì?

3. Là thơ ca dân gian Việt Nam được truyền miệng dưới dạng những câu hát không theo một điệu nhất định, thường phổ biến theo thể thơ lục bát cho dễ nhớ, dễ thuộc gọi là gì?

B2: Thực hiện nhiệm vụ học tập:

- HS lựa chọn ô chữ muốn trả lời, suy nghĩ trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:

3 HS lựa chọn các ô chữ, lần lượt trả lời câu hỏi, các bạn khác bổ sung và tìm từ khóa

B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV nhận xét ý kiến của học sinh, đưa ra định hướng dẫn dắt

1. **Tháp Mười**
2. **Quốc hoa**
3. **Ca dao**

Từ khóa: HOA SEN

=> Hoa sen là loại hoa rất quen thuộc với mỗi chúng ta, không chỉ thế trong lòng mỗi người dân Việt, hoa sen là loài hoa tượng trưng cho vẻ đẹp tươi sáng, cao sang và thuần khiết, mang tính chất dân tộc. Và nếu như các em yêu thích ca dao dân ca nước mình, hẳn chúng ta đã từng bắt gặp hình ảnh hoa sen trong các câu hát dân ca như:

Tháp Mười đẹp nhất bông sen
Việt Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ

Hay bài ca dao:

Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng
Nhị vàng bông trắng lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.

Hoa sen đã đi vào trong văn hóa trong đời sống của Người Việt với nhiều vẻ đẹp, nhiều ý nghĩa. Chính vì thế, hoa sen luôn là nguồn cảm hứng bất tận của thi ca và nghệ thuật… *có nhiều nhà nghiên cứu cũng đã viết rất hay và sâu sắc về ý nghĩa của hoa sen trong văn hóa của người Việt nói chung, trong những câu ca dao nói riêng. Ngày hôm nay cô cùng các em làm quen khám phá một văn bản có ý nghĩa như thế*

đó là "Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao trong đầm gì đẹp bằng sen" của tác giả Hoàng Tiến Tựu

<u>Hoạt động 2</u>: Hình thành kiến thức mới

I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học,PTBĐ, bố cục của văn bản

b) Nội dung:

- GV sử dụng phiếu học tập giao nhiệm vụ cho học sinh

- HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

c) Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành.

d) Tổ chức thực hiện

HĐ của GV VÀ HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu HS đọc. - Phát phiếu học tập cho học sinh thảo luận nhóm đôi tìm hiểu bố cục của văn bản, xác định thể loại, phương thức biểu đạt	**1. Đọc** - Thể loại: Nghị luận văn học **2. Bố cục**

Phần	Vị trí	Nội dung chính
Mở đầu		
Nội dung		
Kết		

Phần	Vị trí	Nội dung chính
Mở đầu	Từ đầu…Việt Nam	- Giới thiệu bài ca dao, đưa ra nhận định về hình ảnh trong bài ca dao
Nội dung	Tiếp… trong sạch	Phân tích cách tác giả dân gian miêu tả vẻ đẹp của hoa sen qua từng câu và ý nghĩa của hình ảnh hoa sen

thúc		

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS:

- HS tự đọc bài

- Học sinh thảo luận nhóm đôi hoàn thành phiếu học tập

B3: Báo cáo, thảo luận

HS: 1 học sinh trình bày ý kiến của mình. HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung cho bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét về thái độ học tập & sản phẩm học tập của HS.

- Chốt kiến thức và chuyển dẫn vào mục sau .

		trong bài ca dao
Kết thúc	Còn lại	- Khẳng định sự gắn bó tương đồng giữa người lao động với hoa sen. - Khẳng định vẻ đẹp ý nghĩa của hoa sen trong bài ca dao

II. SUY NGẪM PHẢN HỒI

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Nhận biết được vấn đề cần bàn luận, ý kiến, lí lẽ và bằng chứng, kết luận của người viết, mục đích nội dung chính của bài học

b) Nội dung:

- GV sử dụng phiếu học tập giao nhiệm vụ cho học sinh

- HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ.

- HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần).

c) Sản phẩm: Phiếu học tập của HS đã hoàn thành. d) Tổ chức thực hiện	
HĐ của GV VÀ HS	**Sản phẩm dự kiến**
*** NV1:** **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** - Yêu cầu học sinh đọc lướt lại đoạn mở đầu GV đặt câu hỏi: Căn cứ vào nhan đề và đoạn mở đầu em hãy xác định vấn đề bản luận trong văn bản là gì? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân **B3: Báo cáo, thảo luận (trong buổi ôn tập)** - HS trình bày sản phẩm. - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) . **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS. - Chốt kiến thức.	**1. Vấn đề bàn luận:** Vẻ đẹp ý nghĩa của hình ảnh hoa sen trong bài ca dao **Trong đầm gì đẹp bằng sen.**
• **NV2** **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** - Chia nhóm cho học sinh thảo luận - Phát phiếu học tập & giao nhiệm vụ: 1. Xác định các ý kiến trong văn bản?	**2. Giải quyết vấn đề** **a. Các ý kiến trong văn bản** ***Ý kiến lớn 1** - Vẻ đẹp của hoa sen được miêu tả một cách khéo léo tài

Ý kiến lớn 1			Ý kiến lớn 2
Ý kiến nhỏ 1	Ý kiến nhỏ 1	Ý kiến nhỏ 1	

2. Theo em có thể thay đổi trật tự các ý kiến lớn, ý kiến nhỏ được hay không? Cách sắp xếp trật tự các ý kiến như thế có tác dụng gì?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc nhóm, hoàn thành phiếu học tập

B3: Báo cáo, thảo luận (trong buổi ôn tập)

- HS trình bày sản phẩm.

- Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần)

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.

- Chốt kiến thức.

2. Không thể thay đổi các ý kiến lớn nhỏ vì sẽ làm xáo trộn mạch lập luận của văn bản, gây khó tiếp nhận cho người đọc.

+ Các ý kiến lớn được sắp theo hai tầng nghĩa của hình ảnh trong bài ca dao, ý kiến lớn 1 nói về nghĩa tả thực, ý kiến lớn 2 nói về ý nghĩa tượng trưng

+ Các ý kiến nhỏ được sắp xếp theo trình tự bố cục bài ca dao, mạch triển khai ý của tác giả dân tình.

+ *Ý kiến nhỏ 1*: Câu thứ nhất đã khẳng định vẻ đẹp tuyệt đối không gì sánh bằng của cây sen

+ *Ý kiến nhỏ 2*: Câu thứ 2: Miêu tả vẻ đẹp của từng bộ phận củ thể để chứng minh câu 1

+ *Ý kiến nhỏ 3*: Câu thứ 3 là câu chuyển chuẩn bị cho câu kết

*** Ý kiến lớn 2**

- Qua hình ảnh hoa sen tác giả dân gian đã gửi gắm những triết lí sâu sắc.

gian. => Cách sắp xếp trật tự ý kiến như vậy giúp người đọc dễ dàng nắm bắt lập luận của văn bản, từ đó làm tăng sức thuyết phục cho văn bản về hai ý nghĩa của hình ảnh hoa sen trong bài ca dao	
• **NV 3** **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** - GV trình chiếu yêu cầu cho học sinh thảo luận nhóm đôi trả lời các câu hỏi 1. Chỉ ra các lí lẽ bằng chứng được sử dụng để làm sáng tỏ cho các ý kiến 2. Nhận xét về cách triển khai các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành phiếu học tập **B3: Báo cáo, thảo luận (trong buổi ôn tập)** - HS trình bày sản phẩm. - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS. - Chốt kiến thức. • **NV 4** **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** - GV đặt câu hỏi:	**b. Lí lẽ, bằng chứng** - Lí lẽ 1: Khẳng định và đề cao cây sen như vậy, nhưng bài ca dao không khiến người nghe người đọc, khó chịu + Bằng chứng: Vì tác giả … thuyết phục - Lí lẽ 2: Tác giả quan sát các bộ phận từ ngoài vào trong, rất tự nhiên, hợp lí. + Bằng chứng: Từ “lá xanh” … mới nở - Lí lẽ 3: Sự chuyển vần và thay đổi trật tự từ ngữ, hình ảnh được thực hiện khéo léo…nội dung lẫn hình thức. => Cách triển khai các ý kiến, lí lẽ bằng chứng hợp lí thuyết phục, giúp người đọc dễ dàng tiếp nhận và nắm bắt lập luận của văn bản. **3. Kết thúc vấn đề** - Khẳng định tình cảm của

1. Xác định kết luận của người viết trong văn bản 2. Qua tìm hiểu văn bản hãy xác định mục đích và nội dung chính của văn bản? **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS làm việc cá nhân suy nghĩa trả lời câu hỏi **B3: Báo cáo, thảo luận (trong buổi ôn tập)** - HS trình bày sản phẩm. - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS. - Chốt kiến thức.	người dân Việt Nam dành cho hoa sen. - Hình tượng sen đã phản ánh trung thực lẽ sống cao đẹp của con người Việt Nam **4. Mục đích và nội dung** - **Mục đích**: Thuyết phục người đọc về vẻ đẹp và ý nghĩa đặc biệt của hình ảnh hoa sen trong bài. - **Nội dung**: Miêu tả vẻ đẹp của hoa sen, khẳng định bài ca dao mang ý nghĩa triết lí nhân sinh gắn liền với nhau tạo nên giá trị muôn đời.

<u>Hoạt động 3</u>: Luyện tập

Luyện tập	
a) Mục tiêu: Giúp HS hệ thống kiến thức, tổng kết nội dung bài học bằng sơ đồ, rút ra đặc điểm của văn nghi luận phân tích một tác phẩm văn học **b) Nội dung**: GV hướng dẫn học sinh tổng kết nội dung bài học bằng sơ đồ **c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS. **d) Tổ chức thực hiện**	
Hoạt động của GV &HS	**Dự kiến sản phẩm**
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Phát phiếu học tập chia nhóm cho học sinh thảo luận 1. Tổng kết nội dung bài học theo sơ đồ tư duy? 2. Rút ra đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học	

ĐẶC ĐIỂM	BIỂU HIỆN TRONG VĂN BẢN
Thể hiện rõ ý kiến của người viết	
Đưa ra lí lẽ là những lí giải, phân tích tác phẩm	
Bằng chứng được được dẫn ra từ tác phẩm để làm rõ cho lí lẽ	
Ý kiến lí lẽ bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí	

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS xem lại bài, thảo luận nhóm vẻ sơ đồ hoàn thành phiếu học tập/

B3: Báo cáo, thảo luận (trong buổi ôn tập)

- HS trình bày sản phẩm.
- Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần)

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS
- Chốt kiến thức.

ĐẶC ĐIỂM	BIỂU HIỆN TRONG VĂN BẢN
Thể hiện rõ ý kiến của người viết	- Thể hiện ở nhan đề và phần mở đầu - Các ý kiến lớn nhỏ được nêu ở phần nội dung - Phần kết thúc có sự khẳng định ý kiến đã nêu
Đưa ra lí lẽ là những lí giải, phân tích tác phẩm	- Các ý kiến lớn nhỏ đều được làm rõ bằng các lí lẽ, bằng chứng
Bằng chứng được được dẫn ra từ tác phẩm để làm rõ cho lí lẽ	- Là hình ảnh, từ ngữ, cách diễn đạt… phù hợp và có sức thuyết phục.
Ý kiến lí lẽ bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí	- Các ý kiến lớn sắp sếp theo hai tầng nghĩa - Các ý nhỏ được sắp xếp theo bố cục họp lí, thuyết phục

<u>Hoạt động 4</u>. Vận dụng

a) Mục tiêu: Củng cố kiến thức, liên hệ bản thân

b) Nội dung: GV đưa ra yêu cầu, HS liên hệ nhân vật rút ra bài học cho bản thân

c) Sản phẩm: Sản phẩm của HS

d)Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV &HS	Sản phẩm dự kiến
B1: Chuyển giao nhiệm vụ **GV đưa ra yêu cầu, hướng dẫn học sinh thực hiện bài tập ở nhà** **<u>Bài tập</u>**: Văn bản trên đã giúp em hiểu thêm điều gì về bài ca dao Trong đầm gì đẹp bằng sen. Hãy viết đoạn văn (khoảng 150- 200 chữ) trình bày suy nghĩ của mình **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn và về nhà hoàn thành bài tập **B3: : Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:** - Kiểm tra bài của học sinh, gọi 2 bạn trình bày **B4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập** **GV**: Nhận xét sản phẩm của hs - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết học sau	**Bài tham khảo** *Trong đầm gì đẹp bằng sen* *Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng* *Nhị vàng bông trắng lá xanh* *Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn* Đó là một bài ca dao quen thuộc với tất cả chúng ta. Thông qua văn bản phân tích về vẻ đẹp và giá trị của hoa sen của tác giả Hoàng Tiến Tựu, em càng hiểu rõ hơn về những ý nghĩa triết lí sâu xa hơn về cuộc sống của con người. Hình ảnh đóa hoa sen xinh đẹp khó gì sánh bằng trong đầm nước đã đi vào biết bao trang thi ca nhạc họa. Thủ pháp điệp vòng được vận dụng tinh tế ở câu thơ thứ hai và thứ ba, đã tạo nên nhạc điệu thú vị cho cả bài ca dao. Dù mọc lên từ trong bùn lầy, nhưng đóa hoa sen vẫn vươn thẳng về phía trước, đón lấy ánh mặt trời, tỏa hương thơm ngào ngạt. Đó cũng chính là hình ảnh biểu trưng cho con người Việt Nam. Dù chân lấm tay bùn, dù hoàn cảnh khó khăn, người dân ta vẫn giữ vẹn nguyên những phẩm chất quý giá. Vẫn không ngừng cố gắng tiến về tương lai tươi đẹp phía trước. Niềm tự hào về những người con đất Việt ấy, đã được tác giả dân gian tinh tế gói lại trong bài ca dao qua biểu tượng đóa sen. Bài ca dao gợi lên sự rất gần gũi, thân quen giữa hoa sen với bản chất tốt đẹp của người lao động. Với bức tranh tuyệt mĩ được vẽ bằng ngôn ngữ, hoa sen sẽ lưu lại mãi mãi vẻ đẹp và hương thơm cao quý trong văn chương và trong lòng người dân đất Việt.

Đọc kết nối chủ điểm:

Văn bản: BỨC THƯ GỬI CHÚ LÍNH CHÌ DŨNG CẢM

(Li-xơ bớt Đao-mon-tơ)

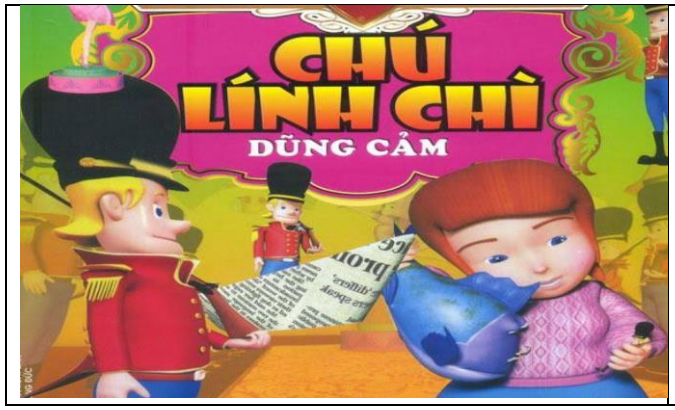

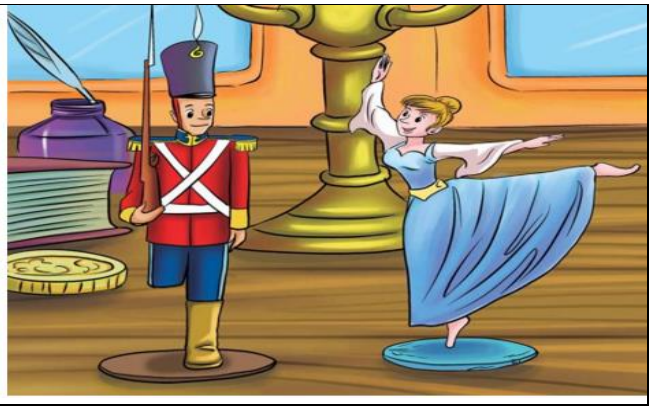

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

- Vận dụng kĩ năng đọc để nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng hay vấn đề đặt ra trong văn bản.

- Nêu được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử của mình qua việc đọc văn bản.

- Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung VB.

- Liên hệ, kết nối với văn bản: *Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian* và *Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao "Trong đầm gì đẹp bằng sen*" để hiểu hơn về chủ điểm: *Những góc nhìn văn chương.*

2. Phẩm chất

- Có lòng nhân ái qua việc trân trọng, thấu hiểu góc nhìn của mọi người

- Yêu mến vẻ đẹp của văn chương

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: máy chiếu, micro, bảng, phấn, phiếu học tập

2. Học liệu:

- Câu chuyện "Chú lính chì dũng cảm", văn bản đọc "Bức thư gửi chú lính chì dũng cảm"

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động CHUẨN BỊ ĐỌC

a. **Mục tiêu**: Kết nối bài học, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung hoạt động: HS trả lời cá nhân liên hệ đến bài học mới.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong bài học.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV yêu cầu HS: ***Trong các tác phẩm truyện đã học, nhân vật nào đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất? Vì sao?***

Hoặc: ***Dựa vào nhan đề và ấn tượng ban đầu của bản thân khi đọc lướt qua văn bản, em đoán xem"Bức thư gửi chú lính chì dũng cảm" sau đây có nội dung là gì?***

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ cởi mở, chân thật những suy nghĩ, cảm xúc của bản thân.

- GV động viên, khuyến khích HS.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc cá nhân.

Bước 4: Đánh giá, kết luận:

- Nhận xét câu trả lời của HS, cần chú ý tôn trọng, khen ngợi những cảm nhận riêng của các em.

- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản:

Các em ạ! Thế giới cổ tích luôn là một xứ sở diệu kỳ đối với trẻ thơ. Cổ tích nuôi dưỡng tâm hồn, ước mơ, phát triển lòng yêu cái thiện, căm ghét cái ác, giúp chúng ta thành người. Những nhân vật cổ tích gần gũi như: cô bé Lọ Lem, công chúa Bạch Tuyết, chú lính chì, nàng tiên cá, … đã đi cùng các em vào những giấc mơ và cùng gởi đến các em những bài học bổ ích về cuộc sống. Và câu chuyện "Chú lính chì dũng cảm" mà các em đã được học ở lớp 6 là một ví dụ. Hôm nay, chúng ta cùng trải nghiệm đọc kết nối văn bản "Bức thư gửi chú lính chì dũng cảm" để hiểu hơn về giá trị nhân văn của câu chuyện 'Chú lính chì dũng cảm" qua cảm nhận của bạn đọc nhé!

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

I. TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN	
a. Mục tiêu: Giúp HS - Vận dụng kĩ năng đọc để hiểu nội dung VB. - Rèn kĩ năng đọc văn bản nghị luận. - Nắm được những nội dung cơ bản về xuất xứ, thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục, tóm tắt, … **b. Nội dung hoạt động:** GV sử dụng KT đặt câu hỏi HS thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi của vào phiếu học tập. **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh **d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**	
HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**
B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - GV hướng dẫn cách đọc: đọc giọng nhẹ nhàng truyền cảm. - GV đọc mẫu một đoạn. - Yêu cầu HS đọc. - GV giao PHT 1 cho HS tìm hiểu trước ở nhà Yêu cầu HS trao đổi cặp đôi hoàn thiện thông tin của PHT -> trình bày	**1. Đọc**

PHIẾU HỌC TẬP 1 Văn bản: "Bức thư gửi chú lính chì dũng cảm"	
Xuất xứ	
Thể loại	
Phương thức biểu đạt	
Bố cục	
Tóm tắt	

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS: Quan sát phiếu học tập của bạn, cùng nhau chia sẻ, trao đổi và thống nhất ý kiến. Hoàn thành phiếu học tập.

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS đại điện cặp đôi trình bày sản phẩm. Các cặp đôi còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của các cặp đôi báo cáo. Những cặp đôi không báo cáo sẽ làm nhiệm vụ nhận xét, bổ sung cho cặp đôi báo cáo (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV:

- Nhận xét câu trả lời của HS cũng như ý kiến nhận xét của các em.
- Kết nối vào nội dung đọc – hiểu văn bản.

GV chốt và chuyển ý: Văn nghị luận là thể loại văn được viết ra nhằm xác lập cho người đọc, người nghe một tư tưởng nào đó đối với các sự việc, hiện tượng trong đời sống hay trong văn học bằng các luận điểm, luận cứ và lập luận. Những trải nghiệm nào trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu hơn các ý tưởng

2. Xuất xứ

Trích Những bức thư đạt giải UPU lần thứ 34, NXB Bưu Điện Hà Nội 2005

3. Thể loại: Văn nghị luận (hình thức bức thư)

4. Phương thức biểu đạt: Nghị luận (kết hợp tự sự và biểu cảm)

5. Bố cục

- **Phần 1 (**từ đầu đến "(Hans Christian Andersen)": Tình cảm của người viết đối với nhân vật chú lính chì

- **Phần 2** (tiếp đến "chỉ với một chân duy nhất"): Bài học chú lính chì gợi ra cho tác giả
- **Phần 3** (còn lại): Suy nghĩ về kết thúc của truyện "Chú lính chì dũng cảm"

6. Tóm tắt:

Tác giả của bức thư khâm phục sự dũng cảm của chú lính chì vì: dù chú chỉ có một chân nhưng không hề lùi bước trước bất kì mối đe dọa nào. Trái tim của chú đã chiến thắng nỗi sợ tên phù thủy trong hộp lò xo, vượt qua mọi hiểm nguy chú phải đối mặt trong lòng cống tối om. Thử thách lớn nhất là chú phải vượt qua lũ chuột và có cá đã nuốt chửng chú. May thay, chị bếp nhà cậu chú đã phát hiện ra chú khi đem cá ra làm bữa. Cuối cùng, tất cả mọi người đều bị thiêu trụi nhưng chú lính vẫn luôn giữ mãi trong tim phút giây hạnh phúc của tình yêu lãng mạn.

hay vấn đề đặt ra trong văn bản trên….	
II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI	
a) Mục tiêu: Giúp HS - Nhận biết được vấn đề cần bàn luận, ý kiến, lí lẽ và bằng chứng, kết luận của người viết, mục đích nội dung chính của bài học **b) Nội dung**: - GV sử dụng phiếu học tập giao nhiệm vụ cho học sinh - HS làm việc cá nhân để hoàn thiện nhiệm vụ. - HS trình bày sản phẩm, theo dõi, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần). **c) Sản phẩm:** Phiếu học tập của HS đã hoàn thành. **d) Tổ chức thực hiện**	
HĐ của GV VÀ HS	**Sản phẩm dự kiến**
*** NV1:** **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** **H:** *Lí do nào khiến cậu bé viết bức thư này gửi chú lính chì?* - Viết thư để bày tỏ tình cảm đối với nhân vật yêu thích của mình: chú lính chì **H:** *Tác giả bức thư đã bày tỏ tình cảm gì với nhân vật chú lính chì dũng cảm?* **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân + Dù chú chỉ có một chân nhưng không hề lùi bước trước bất kì mối đe dọa nào. + Chú vẫn vui vẻ cùng người anh em của mình sống trong ngôi nhà, được "cậu chủ yêu mến" và "cô vũ nữ ba lê bằng giấy" yêu thương.	**1. Tình cảm của người viết đối với nhân vật chú lính chì** *- Gửi chú lính chì bé nhỏ yêu quý của tôi!* *- Câu chuyện về chú luôn chân thực và có ý nghĩa biết nhường nào.* *- Chú không hề lùi bước trước bất kì mối đe doạ nào.* *- Chào tạm biệt chú lính chì bé nhỏ.* *- Gửi tặng chú hoa và nụ hôn của tình yêu.* - Tác giả khâm phục, ngưỡng mộ chú lính

	chì
+ Trái tim của chú đã chiến thắng nỗi sợ "tên phù thủy" trong hộp lò xo, vượt qua mọi hiểm nguy chú phải đối mặt trong "lòng cống" tối om. + Thử thách lớn nhất là chú phải vượt qua lũ chuột hôi hám và có cá đã nuốt chửng chú. + Sau này, may mắn con cá ấy lại bị đưa về chính nhà cậu chủ, chị bếp nhà cậu chủ đã phát hiện ra chú khi đem cá ra làm bữa. + Cuối cùng, tất cả mọi người đều bị thiêu trụi nhưng chú lính vẫn luôn giữ mãi trong tim phút giây hạnh phúc của tình yêu lãng mạn.	- Chú lính chì dũng cảm đã chiến thắng nỗi sợ "tên phù thủy", vượt qua mọi hiểm nguy *-> Giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết; ngôn ngữ giàu cảm xúc; lập luận chặt chẽ* *=> Tác giả của bức thư đã dành tình cảm yêu mến, ngưỡng mộ, trân trọng cho nhân vật chú lính chì dũng cảm: Một chú lính chì có trái tim ấp ám, bản lĩnh dũng cảm luôn sẵn sàng đối mặt và vượt qua mọi hiểm nguy.*
B3: Báo cáo, thảo luận (trong buổi ôn tập) - HS trình bày sản phẩm. - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) . **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS. - Chốt kiến thức: *Tác giả của bức thư đã dành tình cảm yêu mến, ngưỡng mộ, trân trọng cho nhân vật chú lính chì dũng cảm: Một chú lính chì có trái tim ấp ám, bản lĩnh dũng cảm luôn sẵn sàng đối mặt và vượt qua mọi hiểm nguy; gợi lên*	

những suy ngẫm sâu sắc về nhân vật chú lính chì. **NV 2** **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** - Chia nhóm cho học sinh thảo luận **H:** *Nhân vật chú lính chì dũng cảm đã gợi ra cho tác giả bức thư bài học gì?* **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS làm việc nhóm **B3: Báo cáo, thảo luận (trong buổi ôn tập)** - HS trình bày - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS. - Chốt kiến thức. *Nhân vật chú lính chì dũng cảm đã gợi ra cho tác giả bức thư bài học về cái nhìn thực tế về hiện thực trong cuộc sống đầy rẫy khó khăn mà không phải lúc nào cũng có cái kết như ta mong muốn. Đứng trước những thử thách của cuộc sống, hãy chấp nhận và đối mặt với nó, bởi khi đó bạn sẽ có thể được có những thành quả của thành công, vượt ra khỏi mảnh đất chật hẹp vốn thuộc về mình.* **NV 3** **B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** **H:** *Tác giả bức thư suy nghĩ như thế nào về kết thúc không có hậu của truyện* ***Chú lính chì dũng cảm****? Em có đồng ý với điều đó không?*	**2. Bài học chú lính chì gợi ra cho người viết** - Bài học về lòng dũng cảm, can đảm, dám đương đầu với những khó khăn, thử thách để vươn lên trong cuộc sống. ->Lập luận chặt chẽ, hấp dẫn, giàu sức thuyết phục. **=> "Con người có thể bị hủy diệt nhưng không thể bị đánh bại"** **3. Suy nghĩ về kết thúc của truyện "Chú lính chì dũng cảm"** - Tác giả của bức thư đã cảm ơn nhà văn An-đéc-xen vì ông đã không viết cái kết có hậu cho truyện "Chú lính chì dũng

GV có thể cho HS thảo luận nhóm đôi (think – pair – share) để tự do trình bày ý kiến của mình. **<u>Trả lời:</u>** - Tác giả muốn nói lời cảm ơn đến nhà văn An-đéc-xen vì cái kết không có hậu trong truyện *Chú lính chì dũng cảm* đã giúp tác giả nhìn nhận về thế giới thực một cách chân thực nhất. Theo em, việc để truyện có cái kết không có hậu là điều hợp lí vì sẽ truyền tải được dụng ý của nhà văn đến với người đọc. **B2: Thực hiện nhiệm vụ** HS thảo luận nhóm đôi hoàn thành phiếu học tập **B3: Báo cáo, thảo luận (trong buổi ôn tập)** - HS trình bày sản phẩm. - Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) **B4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS. - Chốt kiến thức. *Cuộc đời mỗi người ai cũng phải trải qua thử thách, có người né tránh thử thách, có người sẵn sàng đối mặt với số phận mà không hề lùi bước trước mọi khó khăn cả về vật chất lẫn tinh thần.*	cảm" vì: + Theo tác giả của bức thư: Trẻ em chúng ta đang sống trong thế giới thực chứ không phải cổ tích, một thế giới thực vẫn tồn tại chiến tranh, đau thương, tệ nạn ma túy, đói nghèo, … + Kết thúc không có hậu của An-đec-xen sẽ giúp mọi người nhìn nhận được những mặt trái của cuộc sống thực. Từ đó, chúng ta sẽ tìm cách giải quyết vấn đề có hiệu quả và xây dựng một thế giới tươi đẹp hơn. **=> Suy nghĩ hết sức nhân văn, có giá trị to lớn.**
III. TỔNG KẾT	
a. Mục tiêu: - Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản/ Đánh giá quá trình học tập của học	

sinh

b. Nội dung hoạt động:

GV sử dụng KT đặt câu hỏi

HS làm việc cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện hoạt động:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
B1: Chuyển giao nhiệm vụ - *Nêu nội dung và nghệ thuật của VB?* **B2: Thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận và trả lời câu hỏi - Gv quan sát, gợi dẫn **B3: Báo cáo, thảo luận** - HS thuyết trình sản phẩm - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **B4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	**1. Nội dung** Văn bản *Bức thư gửi chú lính chì dũng cảm* là lời bày tỏ tình cảm yêu mến, nể phục của tác giả dành cho nhân vật "chú lính chì" dũng cảm trong truyện cổ tích của An-đéc-xen. Đồng thời, tác giả bức thư đã rút ra những bài học ý nghĩa cũng như đưa ra quan điểm cá nhân về kết thúc không có hậu của truyện "Chú lính chì dũng cảm". **1. Nghệ thuật** - Giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết; ngôn ngữ giàu cảm xúc. - Cách lập luận chặt chẽ, hấp dẫn, giàu sức thuyết phục.

3. Hoạt động 3: LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học giới thiệu một nhân vật văn học để lại ấn tượng sâu sắc của bản thân cho người khác.

b) Nội dung: GV hướng dẫn học sinh cách giới thiệu một nhân vật văn học.

c) Sản phẩm: Đoạn văn của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

H: ***Hãy giới thiệu với các bạn một nhân vật văn học đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc.***

B2: Thực hiện nhiệm vụ

HS làm việc cá nhân suy nghĩ trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày sản phẩm.
- Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần)

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.
- Chốt kiến thức.

Bài tham khảo:

Bài 1: Nhân vật cô bé bán diêm trong truyện cổ tích "Cô bé bán diêm" của An-đéc-xen là một cô bé để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng tôi. Cô là một cô bé có tuổi thơ đầy bất hạnh. Cô bé nhà nghèo, mồ côi mẹ từ khi bà em mất, em phải sống cùng với người cha hay đánh đập, mắng nhiếc, chửi rủa. Em sống ở trên gác xép mái nhà lạnh lẽo và tối tăm. Em phải đi bán diêm để kiếm sống qua ngày. Trong một đêm giao thừa, một cô bé đầu trần, chân đất, bụng đói dò dẫm trong bóng tối. Suốt cả ngày hôm đó em không bán được bao diêm nào. Ngay cả có người nhìn thấy em rao hàng cũng không ai mua một cái và không ném cho em một đồng nào. Em ngồi nép trong một xó tường trong giá rét, nếu em không bán được bao diêm nào thì em sẽ bị cha mắng. Vì vậy em chẳng dám về nhà. Giữa trời giá rét đó em chỉ có một ước mơ duy nhất là có cuộc sống trước đây khi bà và mẹ em còn sống. Ước mơ chính đáng đó cũng là ước mơ chung của bao đứa trẻ bất hạnh khác. Nhưng thương thay, em đã đạt được hạnh phúc đó, khi em cùng bà lên thiên đường. Em hạnh phúc trước khi chết. Đôi má ửng hồng cùng nụ cười trên môi như chứng minh rằng em ra đi thật hạnh phúc. Cái chết của em đã tố cáo xã hội bất công vô cảm. Qua đó tôi thấy được bộ mặt thật của xã hội đương thời tàn nhẫn thiếu tình thương đối với những trẻ em nghèo.

Bài 2: Nhân vật để lại ấn tượng cho em sâu sắc nhất đó là nhân vật cô bé bán diêm trong truyện cổ tích của Andersen. Đó một cô bé bất hạnh sống với người cha hà khắc và hay uống rượu. Câu chuyện xảy ra vào một đêm cuối năm giá rét, cô bé ra ngoài bán diêm trong trạng thái không đủ ấm trong đêm tuyết lạnh lẽo. Khoảnh khắc lãnh lão đó, cô quẹt diêm mang theo một điều ước nhỏ bé của một cô gái bé bỏng. Que thứ nhất quẹt lên, lò sưởi hiện ra. Que thứ hai quẹt lên, bàn ăn và con ngỗng quay trước mắt. Que thứ ba quẹt lên, cây thông noel hiện ra. Và que diêm thứ tư mang hình ảnh của người bà hiền từ hiện về. Nhưng khi diêm tắt cũng là lúc cô bé chết vì cái lạnh. Cô

bé đã đốt diêm với hy vọng sưởi ấm, cái đói, cái rét đã tạo ra sự những hình ảnh tưởng tượng, những mong muốn nhỏ bé của một cô bé bất hạnh. Qua nhân vật, tác giả muốn phê phán sự thờ ơ của con người trước sự sống của người khác, một hiện thực tồn tại trong xã hội lúc bấy giờ và cô bé bán diêm chỉ là một nạn nhân trong số đó. Câu chuyện có cái kết dù bi thương nhưng nó đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc.
Hướng dẫn học ở nhà: - Nắm kĩ nội dung bài học, hoàn thành đoạn văn. - Chuẩn bị trước bài "Thực hành Tiếng Việt", ôn lại kiến thức về từ Hán Việt ở lớp 6.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực:

- Xác định được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt và nghĩa của những từ có yếu tố đó.
- Năng lực giao tiếp tiếng Việt.

2. Về phẩm chất:

- *Chăm chỉ:* HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

- *Trách nhiệm:* Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị: Máy chiếu, máy tính, phiếu học tập, ...

2. Học liệu: Sgk, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, phiếu học tập, ...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức.
b. Nội dung: Giáo viên cho học sinh chơi trò chơi "Giải ô chữ".

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi: **"Nhìn hình đoán chữ"**: Dùng những từ Hán Việt phù hợp với bức ảnh cho sẵn. Chia thành 2 đội: Mỗi đội đoán 2 từ.

Câu 1: QUỐC HỘI

Câu 2: Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc và **PHU NHÂN** đến thăm và làm việc tại thành phố Bussan, Hàn Quốc.

Câu 3: **BẠCH MÃ**

<u>Câu 4:</u> QUỐC KÌ

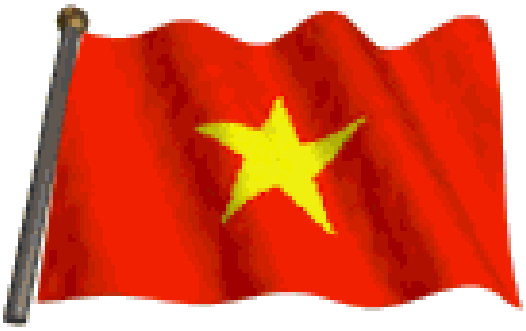

<u>Câu 5:</u> GIA CẦM

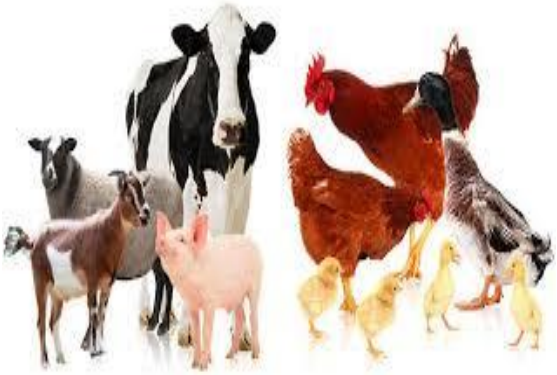

<u>Câu 6:</u> MẪU TỬ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Học sinh chơi trò chơi "Nhìn hình đoán chữ".

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động hình thành kiến thức mới: Bằng việc trả lời các câu hỏi ở trò chơi, các em đã ôn lại kiến thức về yếu tố Hán Việt trong chương trình Ngữ văn lớp 6. Bài học hôm nay, các em tiếp tục tìm hiểu về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt qua tiết học: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT hôm nay nhé!

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

a. **Mục tiêu**: TV- GQVĐ (HS biết thực hành giải quyết các bài tập Tiếng Việt về yếu tố Hán Việt).
- Xác định được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt và nghĩa của những từ có yếu tố đó.
b. Nội dung hoạt động: HS hoạt động nhóm, cá nhân để nhắc lại lí thuyết về yếu tố Hán Việt và hoàn thành các bài tập.
c. Sản phẩm: Câu trả lời và bài tập đã hoàn thiện của HS.
d. Tổ chức thực hiện:

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
*** Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** - Giáo viên yêu cầu HS nhắc lại kiến thức về yếu tố	**I. LÝ THUYẾT**

Hán Việt **(Nhắc lại lí thuyết (Lớp 6 – Bài 8: Những góc nhìn cuộc sống)** **H:** Yếu tố Hán Việt là gì? Từ Hán Việt là gì? **H:** Từ ghép Hán Việt có mấy loại? Đó là những loại nào? - Từ ghép Hán Việt có 2 loại: Từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập. → *Yếu tố Hán Việt* có khả năng cấu tạo nên rất nhiều từ khác nhau. Việc hiểu chính xác và sử dụng đúng các yếu tố Hán Việt đóng vai trò rất quan trọng trong giao tiếp. - Học sinh tiếp nhận và thực hiện. *** Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** - Học sinh: nhớ lại kiến thức suy nghĩ và trả lời miệng. - Giáo viên: nghe, quan sát, gọi HS khác nhận xét *** Bước 3. Báo cáo kết quả:** HS trả lời miệng, trình bày kết quả *** Bước 4. Đánh giá kết quả** - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá	**1. Yếu tố Hán Việt** - Các tiếng tạo nên từ Hán Việt gọi là yếu tố Hán Việt **2. Từ Hán Việt** - Từ Hán Việt là từ vay mượn của tiếng Hán nhưng được đọc theo cách phát âm của Tiếng Việt. - Từ ghép Hán Việt có 2 loại: Từ ghép chính phụ và từ ghép đẳng lập.

II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

a. Mục tiêu: HS thực hành làm bài tập xác định được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt và nghĩa của những từ có yếu tố đó.
b. Nội dung: Học sinh làm bài tập SGK/64
c. Sản phẩm: Phần bài tập HS đã làm.
d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
***Hướng dẫn HS làm các bài tập phần "Thực hành Tiếng Việt" (SGK/64)**	

<table>
<tr>
<td>

NV1:

*** Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:**

H: *Giải thích nghĩa của từ Hán Việt được in đậm trong các câu sau:*

a. Thông qua tình huống này, tác giả dân gian muốn khẳng định sự mẫn tiệp của **trí tuệ** dân gian, qua đó bày tỏ ước mơ về một xã hội mà ràng buộc chặt chẽ của **quan niệm** phong kiến về các tầng lớp người trong xã hội đều được nới lỏng và cởi bỏ.

(Theo Trần Thị An, *Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian*)

b. Và ở đây, bằng kinh nghiệm về việc quan sát **thiên nhiên** và kinh nghiệm của việc **thực hành** các trò chơi dân gian ở làng quê, em bé nhanh chóng tìm ra đáp án.

(Theo Trần Thị An, *Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian*)

c. Bài ca dao "Trong đầm gì đẹp bằng sen" đạt đến độ **hoàn mĩ** hiếm có trong loại ca dao vịnh tả cảnh vật mang tính **triết lí**.

(Theo Hoàng Tiến Tựu, *Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao "Trong đầm gì đẹp bằng sen*)

Tổ chức trò chơi: AI NHANH HƠN

- GV phát phiếu học tập nối cột A và B sao cho đúng. Mỗi cá nhân hoàn thành bài tập trong thời gian 3 phút. Giáo viên lấy 5 bài hoàn thành nhanh nhất để chấm. Các HS còn lại chấm chéo cho nhau theo bàn.

<table>
<tr><th>A</th><th>B</th><th>Đáp án</th></tr>
<tr><td>1. trí tuệ</td><td>a. đạo lí về nhân sinh.</td><td>1-c</td></tr>
<tr><td>2. quan</td><td>b. tiến hành, thực</td><td>2-f</td></tr>
</table>

</td>
<td>

Bài tập 1/64

a. **trí tuệ:** sự hiểu biết, thông thái.

quan niệm:
cách hiểu riêng của

</td>
</tr>
</table>

niệm	hiện.	
3. thiên nhiên	**c.** sự hiểu biết, thông thái	**3-d**
4. thực hành	**d.** tự nhiên.	**4-b**
5. hoàn mĩ:	**e.** hoàn hảo, tốt đẹp.	**5-e**
6. triết lí	**f.** cách hiểu riêng của mình về một sự vật, một vấn đề.	**6-a**

- GV mở rộng thêm:

(a.

- trí tuệ: là khả năng suy nghĩ và hành động sử dụng kiến thức, kinh nghiệm, sự hiểu biết, ý thức chung và cái nhìn sâu sắc.

- quan niệm: là cách hiểu riêng của mỗi người về một sự vật, một vấn đề cụ thể nào đó.

b.

- thiên nhiên: là những gì tồn tại xung quanh con người mà không phải do con người tạo ra.

- thực hành: là làm để áp dụng lí thuyết vào thực tế.

c.

- hoàn mĩ: vẻ đẹp hoàn hảo, không tì vết, không khuyết điểm.

- triết lí: là những điều được đúc rút bởi trải nghiệm, được phát biểu ngắn gọn, xúc tích.)

mình về một sự vật, một vấn đề.

b. **thiên nhiên:** tự nhiên.

thực hành: tiến hành, thực hiện.

c. **hoàn mĩ:** hoàn hảo, tốt đẹp.

triết lí: đạo lí về nhân sinh.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Mỗi cá nhân hoàn thành bài tập trong thời gian 3 phút, ghi kết quả ra phiếu cá nhân.

GV hướng dẫn HS thảo luận (nếu cần).

Bước 3: Báo cáo kết quả

- Gv chọn 5 bài nhanh nhất.
- GV gọi đại diện 2 HS lên trình bày.
- HS chấm chéo cho nhau

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV chấm 5 bài nhanh nhất và nhận xét, đánh giá, (sửa chữa nếu cần) rút kinh nghiệm chung, chốt kiến thức.

NV 2:

*** Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** *Tìm những từ ghép có yếu tố Hán Việt trong bảng sau (cột hai) và giải thích ý nghĩa của những từ đó.*

Trò chơi: TIẾP SỨC

- Chia lớp thành 4 Đội: Mỗi Đội tìm từ ghép Hán Việt cho 2 yếu tố Hán Việt trong thời gian 5 phút, các thành viên trong Đội thay phiên nhau ghi các từ ghép Hán Việt lên bảng. Sau 5 phút, Đội nào ghi đúng được nhiều từ nhất thì Đội đó sẽ chiến thắng và nhận được 1 phần quà!

+ Đội 1: **quốc (nước), gia (nhà)**

+ Đội 2: **gia (tăng thêm), biến (tai họa)**

+ Đội 3: **biến (thay đổi), hội (họp lại)**

+ Đội 4: **hữu (có), hóa (thay đổi, biến thành)**

STT	Yếu tố Hán Việt	Từ ghép Hán Việt
1	quốc (nước)	quốc gia, …

Bài tập 2/64

2	gia (nhà)	gia đình, …
3	gia (tăng thêm)	gia vị, …
4	biến (tai họa)	tai biến, …
5	biến (thay đổi)	biến hình, …
6	hội (họp lại)	hội thao, …
7	hữu (có)	hữu tình, …
8	hóa (thay đổi, biến thành)	tha hóa, …

STT	Yếu tố Hán Việt	Từ ghép Hán Việt
1	quốc (nước)	quốc gia,…
2	gia (nhà)	gia đình,…
3	gia (tăng thêm)	gia vị,…
4	biến (tai hoạ)	tai biến,…
5	biến (thay đổi)	biến hình,...
6	hội (họp lại)	hội thao,...
7	hữu (có)	hữu hình,…
8	hoá (thay đổi, biến thành)	tha hoá,…

- GV hướng dẫn HS giải thích ý nghĩa của một số từ Hán Việt HS tìm được.

STT	Yếu tố Hán Việt	Từ ghép Hán Việt
1	Quốc (nước)	- Quốc kì: lá cờ tượng trưng cho một đất nước - Tổ quốc: đất nước - Quốc ca: bài hát chính thức của một nước - Quốc ngữ: tiếng nói chung của cả nước (đế quốc, quốc hiệu, quốc gia, cường quốc, quốc kì, quốc vượng, quốc tế,…)

2	Gia (nhà)	- Gia phong: tập quán hành vi của một gia tộc lưu truyền từ đời này qua đời khác. - Gia chủ: người đứng đầu trong nhà. - Gia sư: thầy dạy tại nhà - Gia sản: tài sản trong nhà
3	Gia (tăng thêm)	- Gia nhập: tham gia - Gia tăng: thêm, tăng lên
4	Biến (tai họa)	- Biến cố: tai họa, sự việc không may xảy ra - Nguy biến: việc không may xảy ra tới thình lình, có thể gây tai hại.
5	Biến (thay đổi)	- Biến hóa: thay đổi - Biến động: thay đổi lơn có ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.
6	Hội (họp lại)	- Hội nghị: cuộc họp - Hội kiến: cuộc gặp gỡ, hẹn gặp
7	Hữu (có)	- Hữu hiệu: có tác dụng, hiệu lực. - Hữu ích: có ích.
8	Hóa (thay đổi, biến thành)	- Cảm hóa: làm xúc động người khác, khiến cho thay thay đổi khí chất, bỏ ác theo thiện. - Tiến hóa: thay đổi trở nên tốt đẹp hơn.

(Giải nghĩa:

- quốc gia: là một khái niệm địa lý và chính trịđể chỉ về một lãnh thổ có chủ quyền, một chính quyền và những con người của các dân tộc có trên lãnh thổ.

- quốc kỳ: lá cờ của một đất nước.

- quốc bảo: chỉ vật khí của đất nước, quốc gia.

- gia đình: là tập hợp những người gắn bó với nhau do quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc do quan hệ nuôi dưỡng làm phát sinh các nghĩa vụ và quyền giữa

họ với nhau theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. - gia bảo: bảo vật của gia đình. - gia phong: nề nếp, quy định của một gia đình. - gia vị: là thêm vào món ăn các loại thực phẩm, thực vật chứa tình dầu tạo mùi thơm hoặc các hợp chất hóa học - gia tăng: là nâng cao lên, thêm vào - tai biến: là sự việc gây vạ bất ngờ - biến cố: là sự kiện xảy ra gây ảnh hưởng lớn và có tác động mạnh đến đời sống xã hội, cá nhân. - biến chứng: sự việc, tình hình đột ngột chuyển biến theo chiều hướng xấu, thường dùng cho sức khỏe. - hội thao: là cuộc gặp mặt của một nhóm người có cùng một mối quan tâm chung tại một địa điểm và thời gian đã định trước để tranh luận về nội dung quan tâm - hội tụ: là gặp nhau cùng một thời điểm. - hội thảo: cùng gặp nhau để thảo luận, bàn bạc về một vấn đề. - hữu hình: là những sự vật, hiện tượng có thể nhìn thấy được như bút, thước, quần áo… - hữu ích: là có ích lợi. - tha hóa: là trở nên khác đi, biến thành cái khác. - chuyển hóa: là biến đổi sang dạng hoặc hình thái	

khác. - biến hóa: biến đổi sang trạng thái, hình dạng, tính chất khác. *** Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ** - Các nhóm lần lượt lên bảng ghi - Giáo viên: quan sát, theo dõi, hướng dẫn *** Bước 3. Báo cáo kết quả: Quan sát kết quả bài làm của mỗi Đội.** *** Bước 4. Đánh giá kết quả** - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên cùng HS nhận xét, chấm điểm, đánh giá kết của của mỗi Đội. - Trao thưởng **<u>NV 3:</u>** *** Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** Đặt câu với 3 từ Hán Việt tìm được ở bài tập trên. - GV mời 3 HS lên bảng đặt câu. *** Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:** - 3 HS lên bảng làm bài tập - HS còn lại làm vào vở *** Bước 3. Báo cáo kết quả:** HS đặt câu, trình bày kết quả. *** Bước 4. Đánh giá kết quả.** - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá	**Bài tập 3 trang 64** - **<u>Quốc kì</u>** của nước Việt Nam là lá cờ đỏ sao vàng. - **<u>Hội nghị</u>** dự kiến sẽ kết thúc vào ngày mai. - Con người **<u>tiến hóa</u>** từ một loài vượn cổ. - Chiếc chuông cổ này được chỉ định là **<u>quốc bảo</u>**. - Dù cuộc sống bôn ba, vất vả thì gia đình vẫn phải giữ nề nếp, **<u>gia phong</u>**. - Tình bình bệnh của cậu Ba bỗng **<u>biến chứng</u>** xấu.

<u>NV 4:</u> **- Thảo luận nhóm bàn** *** Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:** **H:** *Trong câu sau, nếu thay từ "tôn vinh" bằng từ "khen ngợi" thì ý nghĩa của câu có thay đổi không? Theo em, cách dùng từ nào hay hơn? Vì sao?* "Để tôn vinh trí tuệ dân gian, người kể chuyện đã xếp đặt tình huống để cho người ra đố ở vị trí sứ giả nước ngoài, thậm chí là một nước lớn hơn đang "lăm le muốn chiếm bờ cõi nước ta", mà nếu không trả lời được thì quốc gia sẽ phải "tỏ ra thua kém và thừa nhận sự thần phục của mình đối với nước láng giềng". (Theo Trần Thị An, "Em bé thông minh" – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian) (- Trong câu, nếu thay từ "tôn vinh" bằng từ "khen ngợi" thì ý nghĩa của câu sẽ bị thay đổi. - Dùng từ "tôn vinh" ở vị trí này là hợp lí bởi từ mang ý nghĩa được tôn lên vị trí cao vì có năng lực đặc biệt, sẽ khẳng định được trí tuệ dân gian mạnh hơn từ "khen ngợi".) *** Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ.** - HS trao đổi ý kiến thảo luận nhóm bàn. *** Bước 3. Báo cáo kết quả:** HS trả lời, trao đổi ý kiến, kết quả thảo luận. *** Bước 4. Đánh giá kết quả.** - GV nhận xét, đánh giá.	**Bài tập 4 trang 64** - Nếu thay từ "tôn vinh" bằng từ "khen ngợi" thì ý nghĩa của câu sẽ bị thay đổi. - Từ "khen ngợi" chỉ là sự công nhận còn từ "tôn vinh" có giá trị ca ngợi, biểu thị danh hiệu cao quý. Trí tuệ dân gian là một phẩm chất, năng lực đặc biệt, nó đáng được tôn vinh chứ không phải được công nhận nên phải dùng từ "tôn vinh".

4. Hoạt động 4: VẬN DỤNG VIẾT NGẮN

a. Mục tiêu: HS sáng tạo, vận dụng kiến thức, kĩ năng từ việc đọc và thực hành tiếng Việt để hoàn thiện được một đoạn văn ngắn có sử dụng từ Hán Việt.

b. Nội dung: Viết đoạn văn ngắn với chủ đề tự chọn, có sử dụng từ Hán Việt.

c. Sản phẩm: Bài viết đã hoàn thiện của cá nhân học sinh.

d. Tổ chức thực hiện.

*** Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**

Em hãy viết đoạn văn (khoảng 10 đến 15 câu) chủ đề tự chọn, có sử dụng từ Hán Việt.

*** Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ (Viết đoạn văn)**

*** Bước 3: Báo cáo sản phẩm (có thể báo cáo vào tiết Viết chính)**

*** Bước 4: Bình chọn sản phẩm chất lượng nhất.**

- Tất cả các sản phẩm (nhóm hoặc cá nhân) đều được treo xung quanh lớp để cả lớp có thể dễ dàng quan sát và nhận xét, bình chọn (kĩ thuật phòng tranh)

Đoạn văn tham khảo

Đoạn 1: Trải qua hơn bốn ngàn năm lịch sử, đất nước ta phải trải qua bao trận chiến khốc liệt và đương đầu với nhiều kẻ thù mạnh. Nhưng với tinh thần **đoàn kết** và **kiên cường** trong chiến đấu, đất nước ta đã giành được nền độc lập như ngày hôm nay. Nhân dân ta đã chấm dứt hàng trăm năm sống dưới ách gông cùm, **nô lệ** của của thực dân, **phong kiến**. Và ngày hôm nay, cả dân tộc lại cùng nhau chung sức, tiếp tục xây dựng đất nước ngày càng **phồn vinh**, giàu đẹp. Đó là truyền thống đoàn kết quý báu của dân tộc ta.

Đoạn 2: Hai tiếng "gia đình" vang lên gợi biết bao niềm **thiêng liêng**, yêu mến**. Gia đình** là mái nhà nơi cha mẹ dựng xây bằng tình yêu thương. Từ tình yêu thăm thiết ấy, những đứa con đẹp đẽ, ngoan hiền cất tiếng khóc chào đời trong niềm vui khôn xiết của cả cha và mẹ. Bởi vậy, gia đình là nơi gắn kết chúng ta bằng sợi dây ruột thịt vô cùng thiêng liêng. Cảm động hơn, gia đình là nơi bắt nguồn những tình cảm vô cùng cao đẹp tình vợ chồng, tình **mẫu tử**, tình **phụ tử**, tình anh chị em, … Minh chứng cho những những tình cảm đó không chỉ có những cảm xúc cá nhân của mỗi chúng ta dành cho người thân trong gia đình mà còn có dòng sông văn học tuôn chảy bao đời nay cũng lấy đó làm đề tài bất tận.

Hướng dẫn học ở nhà:

- Ôn lại kiến thức về từ Hán Việt
- Hoàn thành và xem lại các bài tập.
- Chuẩn bị bài mới: **Đọc mở rộng theo thể loại:** "*Sức hấp dẫn của truyện ngắn **Chiếc lá cuối cùng***".

+ Đọc văn bản (SGK/65-66)

+ Trả lời các câu hỏi phần "Hướng dẫn đọc" (SGK/66-67) và hoàn thành phiếu học

tập.

Vấn đề cần bàn luận

↓

Ý kiến: - Ý kiến lớn

+ Ý kiến nhỏ

↓

Lí lẽ + bằng chứng:

+ HS hoàn thành phiếu học tập, nộp cho GV trước khi học văn bản.
+ Mức độ hoàn thành phiếu học tập của HS:

Đạt: từ 80% nội dung bài học trở lên.

Chưa đạt: dưới 80% nội dung bài học. GV yêu cầu HS bổ sung.

THAM KHẢO:

Có thể khởi động bằng trò chơi sau:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi: "Giải ô chữ"

Luật chơi:

Ô chữ có 7 dòng hàng ngang. HS trả lời các câu hỏi để mở từ hàng ngang. Trả lời được các từ hàng ngang sẽ tìm được từ khóa.

TRÒ CHƠI GIẢI Ô CHỮ

1						N	G	**H**	Ị	L	U	Ậ	N
2							S	**A**	N	G	T	H	U
3					H	Ư	Ơ	**N**	G	Ổ	I		
4								**V**	O	I			
5						T	À	**I**	N	Ă	N	G	
6					V	I	D	**E**	O				
7	T	R	À	N	H	Ữ	U	**T**	H	U	N	G	

Ô từ khoá: có 07 chữ cái
Hàng ngang 1 (08 chữ cái): Thể loại của văn bản "Em bé thông minh – Nhân vật kết tinh của trí tuệ dân gian" là gì? NGHỊ LUẬN
Hàng ngang 2 (07 chữ cái) : Tên 1 tác phẩm của nhà thơ Hữu Thỉnh mà em đã học? SANG THU
Hàng ngang 3 (7 chữ cái) : Điền từ còn thiếu vào câu thơ sau: "Bỗng nhận ra …." (Hữu Thỉnh) HƯƠNG ỔI
Hàng ngang 4 (06 chữ cái): Con vật nào được nhắc đến trong văn bản "Ông Một" (Vũ Hùng)? VOI
Hàng ngang 5 (7 chữ cái) : Tìm từ có nghĩa là "Năng lực xuất sắc, khả năng làm giỏi và có sáng tạo một công việc gì." TÀI NĂNG
Hàng ngang 6 (4 chữ cái): Trong các từ sau, từ nào không phải từ mượn tiếng Hán: nhân loại, thế giới, nhận thức, VIDEO, cộng đồng, cô đơn.
Hàng ngang 7 (012 chữ cái) : Ai là tả giả văn bản "Lời của cây"? TRẦN HỮU THUNG

Ô từ khoá: HÁN VIỆT

Đọc mở rộng theo thể loại:

SỨC HẤP DẪN CỦA TRUYỆN NGẮN "CHIẾC LÁ CUỐI CÙNG"

(Theo Minh Khuê)

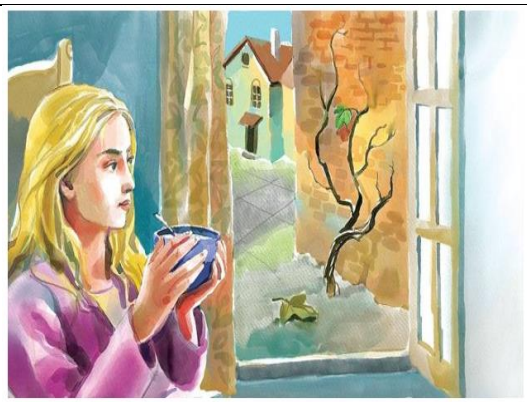

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn hoc.

- Nêu được mục đích và nội dung chính của văn bản, chỉ ra mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống đã giúp bản thân hiểu ra được các vấn đề đặt ra trong văn bản.

2. Phẩm chất

- Có lòng nhân ái qua việc trân trọng, thấu hiểu góc nhìn của mọi người

- Yêu mến vẻ đẹp của văn chương

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học:

- **Giáo viên:** Máy chiếu, máy tính, kế họa bài học, micro, phiếu học tập, …

- **Học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

2. Học liệu: Văn bản đọc: *Sức hấp dẫn của truyện ngắn "Chiếc lá cuối cùng"*

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập

b. Nội dung: Giáo viên đọc cho học sinh nghe bài thơ: "Nghĩ về kiệt tác của cụ Bơ-men" và nêu giúp HS nêu cảm nhận về bài thơ.

"Chiếc lá cuối cùng" - chiếc lá giả trên cây

Được vẽ ra trong đêm mưa gió rét

Được vẽ ra từ tấm lòng cao đẹp

Và tình người nhân ái bao la

Cụ Bơ-men người hoạ sĩ tài hoa

Đã cứu sống một tâm hồn còn trẻ

Chẳng quản tuyết rơi, đêm đông lạnh giá

Lặng lẽ…âm thầm…vẽ chiếc lá trong đêm

Có biết đâu rằng trong đêm mưa tuyết rơi

Cụ Bơ-men vì tình yêu con người

Cứu sống Giôn-xi cụ ra đi mãi mãi

Để lại cho đời một kiệt tác "hồi sinh".

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV đọc bài thơ: "Nghĩ về kiệt tác của cụ Bơ-men"

H: Em có cảm nhận gì về bài thơ trên? Tác phẩm "Chiếc lá cuối cùng" đã để lại tình cảm, cảm xúc gì cho tác giả qua bài thơ đó?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ HT

- GV: Yêu cầu HS trình bày.

- HS: trình bày sản phẩm.

- Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Từ học sinh chia sẻ, GV dẫn vào bài mới: *Hãy luôn thắp sáng ngọn lửa của khát khao hi vọng hãy luôn yêu thương, mang nghệ thuật phục vụ con người, nghệ thuật*

chân chính lâu bền nhất là nghệ thuật hướng tới con người và vì con người.Đó là sức hấp dẫn của truyện ngắn "Chiếc lá cuối cùng"...

2. Hoạt động 2: KHÁM PHÁ

I. ĐỌC VĂN BẢN	
a. Mục tiêu - Giúp học sinh biết cách đọc 1 văn bản nghị luận . **b. Nội dung:** Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc văn bản. **c. Sản phẩm:** Phần đọc của học sinh. **d. Tổ chức thực hiện:**	
HOẠT ĐỘNG CỦA GV&HS	**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV) - Hướng dẫn cách đọc & yêu cầu cá nhân HS đọc. (đọc to, diễn cảm) **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS nghe GV hướng dẫn, đọc mẫu, luyện đọc **Bước 3: Báo cáo thảo luận** HS đọc to, diễn cảm văn bản **Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)** - Nhận xét giọng đọc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.	
II. KHÁM PHÁ VĂN BẢN	
1. Các yếu tố nghị luận trong VB	
a.Mục tiêu: HS có cái nhìn toàn diện, sâu sắc hơn về văn nghị luận thông qua tìm hiểu văn bản đọc mở rộng **b. Nội dung hoạt động:** Làm việc cá nhân, cặp đôi để tìm hiểu văn bản**.** **c. Sản phẩm:** Câu trả lời hoặc phiếu học tập đã hoàn thiện của cá nhân học sinh. **d. Tổ chức thực hiện:** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** - GV nêu câu hỏi: Phát phiếu học tập & giao nhiệm vụ: *(phần này đã được chuẩn bị bài ở nhà)* **H:** ***Em hãy vẽ sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa ý kiến lớn, ý kiến nhỏ, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản****"Sức hấp dẫn của truyện ngắn* ***Chiếc lá cuối cùng****"?* **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** - Đọc kĩ văn bản, xác định các ý kiến lớn, ý kiến nhỏ, lí lẽ, bằng chứng để vẽ sơ đồ	

- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân tại nhà

Bước 3: Báo cáo thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS trình bày.
- Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).

HS:

- HS trình bày sản phẩm đã làm ở nhà trước lớp.
- Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.
- Chốt kiến thức.

+ Văn bản NL sử dụng các lí lẽ dẫn chứng cụ thể, rõ ràng

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

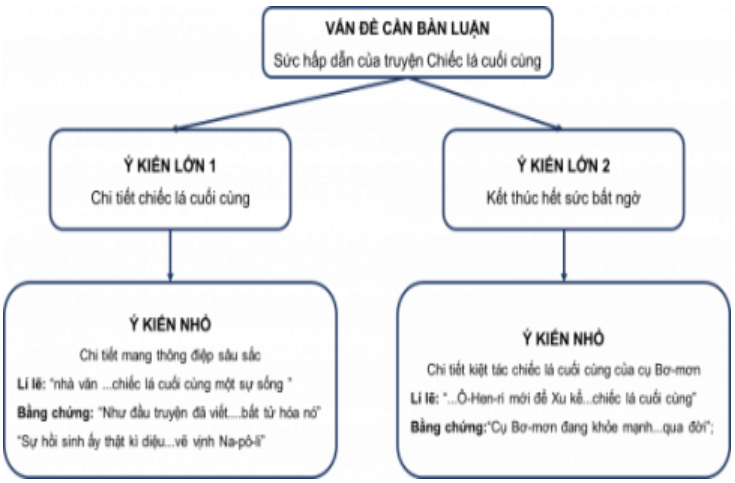

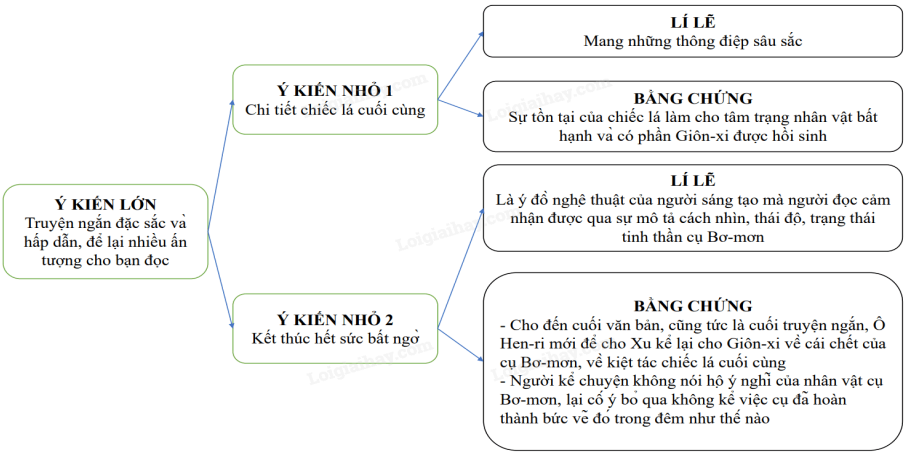

=> Cách triển khai các ý kiến, lí lẽ bằng chứng hợp lí thuyết phục, giúp người đọc dễ dàng tiếp nhận và nắm bắt lập luận của văn bản.	
2. Mục đích và đặc điểm của văn bản	
a. Mục tiêu - Nắm được đặc điểm, mục đích, tác dụng thể hiện mục đích của văn bản *"Sức hấp dẫn của truyện ngắn* ***Chiếc lá cuối cùng.*** **b. Nội dung:** Thông qua hoạt động cá nhân, hđ nhóm, HS nắm bắt được mục đích, đặc điểm của văn bản *"Sức hấp dẫn của truyện ngắn* ***Chiếc lá cuối cùng.*** **c. Sản phẩm:** Câu trả lời và kết quả thảo luận của học sinh. **d. Tổ chức thực hiện:** **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)** - **Nhiệm vụ 1:** Văn bản *"Sức hấp dẫn của truyện ngắn* ***Chiếc lá cuối cùng*** được viết ra nhằm mục đích gì? - **Nhiệm vụ 2:** Chỉ ra những đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học trong "Sức hấp dẫn của truyện ngắn *Chiếc lá cuối cùng*" và nêu tác dụng của các đặc điểm ấy trong việc thực hiện mục đích văn bản bằng cách hoàn thành bảng sau: (thời gian thảo luận 5 phút)	

Đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học	Biểu hiện trong văn bản *Sức hấp dẫn của truyện ngắn "Chiếc lá cuối cùng"*	Tác dụng trong việc thực hiện mục đích văn bản
Thể hiện rõ ý kiến của người viết về tác phẩm cần bàn luận.		
Đưa ra lí lẽ là những lí giải, phân tích tác phẩm.		
Bằng chứng được dẫn ra từ tác phẩm để làm rõ cho lí lẽ.		
Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.		

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HT

NV1: Suy nghĩ cá nhân và trả lời câu hỏi

NV2: Thảo luận nhóm (4 nhóm)

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ HT

**** NV 1:***

GV:

- Yêu cầu HS trình bày.

HS:

- HS trình bày ý kiến.
- Các HS khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .

**** NV 2:***

GV:

- Yêu cầu các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

HS:

- Đại diện nhóm trình bày ý kiến.
- Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) .

Bước 4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng HS, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của HS.
- Chốt kiến thức.

DỰ KIẾN SẢN PHẨM	
**** NV 1:*** Mục đích: thuyết phục người đọc hiểu được: *Hãy luôn thắp sáng ngọn lửa của khát khao hi vọng hãy luôn yêu thương, mang nghệ thuật phục vụ con người, nghệ thuật chân chính lâu bền nhất là nghệ thuật hướng tới con người và vì con người.* **** NV 2:***	

Đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học	**Biểu hiện trong văn bản Sức hấp dẫn của truyện ngắn "Chiếc lá cuối cùng"**	**Tác dụng trong việc thực hiện mục đích văn bản**
Thể hiện rõ ý kiến của người viết về tác phẩm cần bàn luận	Đây là một truyện ngắn đặc sắc và hấp dẫn, để lại nhiều ấn tượng cho bạn đọc	Xác định, làm nổi bật ý kiến được nêu
Đưa ra lí lẽ là những lí giải, phân tích tác phẩm	- Chi tiết chiếc lá cuối cùng - Kết thúc bất ngờ	Dẫn chứng các chi tiết nổi bật từ văn bản
Bằng chứng được dẫn ra từ tác phẩm để làm rõ cho lí lẽ	- Chi tiết chiếc lá cuối cùng: + Bằng chứng: Sự tồn tại của chiếc lá làm cho tâm trạng nhân vật bất hạnh và có phần Giôn-xi được hồi sinh. "Như đầu truyện đã viết....bất tử hóa nó"; "Sự hồi sinh ấy thật kì diệu...vẽ vịnh Na-pô-li" - Kết thúc bất ngờ: + Cho đến cuối văn bản, cũng tức là	Lập luận có sức thuyết phục, chứng minh làm sáng tỏ, xác nhận cho ý kiến.

	cuối truyện ngắn, Ô Hen-ri mới để cho Xu kể lại cho Giôn-xi về cái chết của cụ Bơ-mơn, về kiệt tác chiếc lá cuối cùng + Người kể chuyện không nói hộ ý nghĩ của nhân vật cụ Bơ-mơn, lại cố ý bỏ qua không kể việc cụ đã hoàn thành bức vẽ đó trong đêm như thế nào. "Cụ Bơ-mơn đang khỏe mạnh...qua đời";	
Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí	- Trước hết, sức hấp dẫn của truyện đến từ chi tiết chiếc lá cuối cùng - Bên cạnh đó, sức hấp dẫn của truyện còn đến từ kết thúc hết sức bất ngờ	Thuyết phục, dễ hiểu, cuốn hút người đọc.

3. Hoạt động 3: LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Đoạn văn của học sinh

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV giao nhiệm vụ: *Việc nhìn nhận một vấn đề từ nhiều góc độ sẽ mang đến cho chúng ta những ích lợi gì? Em hãy viết đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày ý kiến của mình về vấn đề trên, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất hai từ Hán Việt.*

HS viết đoạn văn

Đoạn văn tham khảo

Việc nhìn nhận một vấn đề từ nhiều góc độ sẽ mang đến cho chúng ta sự hiểu biết, cái nhìn bao quát và đi đến những hành động đúng đắn trong cuộc sống. Con người có đôi mắt để nhìn đời phân biệt đục-trong, phải-trái, đúng-sai… Tuy nhiên, nếu chỉ đánh giá mọi việc bằng đôi mắt của mình, có khi chúng ta sẽ mắc phải những sai lầm. Suy nghĩ khác, góc nhìn khác giúp ta có cái nhìn toàn diện về sự vật, hiện tượng. Nó còn

giúp ta tránh được lối suy nghĩ **thiển cận, phiến diện** và bồi dưỡng cho ta tri thức mới mẻ. Biết suy nghĩ khác biệt tạo nên tính năng động trong tư duy. Đó chính là cơ sở và động lực để con người sáng tạo và thành công. Steve Jobs đã không ngần ngại suy nghĩ về một sản phẩm khác biệt trong nhiều năm. Cuối cùng ông đã tạo ra được chiếc Iphone huyền thoại. Harland Sanders đến gần cuối cuộc đời mới nhận ra sự khác biệt của món gà rán do ông sáng tạo và gặt hái thành công lớn sau bao năm tháng vất vả. Tất cả là nhờ có điểm nhìn khác biệt, suy nghĩ khác biệt. Như vậy, để nhận định vấn đề một cách đúng đắn, chúng ta phải thay đổi góc nhìn, phải đặt mình vào vị trí của mọi người đến tìm hiểu mọi việc một cách toàn diện hơn. "Không có gì tầm thường trên thế giới. Tất cả đều phụ thuộc vào góc nhìn".

B3: Báo cáo, thảo luận

HS có thể chia sẻ trong tiết học sau hoặc nộp bài cho giáo viên

B4: Kết luận, nhận định

Nhận xét ý thức làm bài của HS

***Hướng dẫn học tập ở nhà:** Về học kĩ nội dung của bài học và đọc lại văn bản, chuẩn bị trước bài *"Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học"*

PHẦN VIẾT

VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

Thời gian: 3 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Khái niệm kiểu bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học

- Các yêu cầu, quy trình, kĩ năng viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực đặc thù

- Biết viết văn bản đảm bảo các bước: chuẩn bị trước khi viết (xác định đề tài, mục đích, thu thập tư liệu); tìm ý và lập dàn ý; viết bài; xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- Bước đầu biết viết bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

3.Phẩm chất:

- Bồi đắp lòng yêu thương, thông cảm, trân trọng và thấu hiểu con người thông qua phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu hoặc bảng tương tác, máy tính.

- Bảng phụ, giấy A4, A1, A0, bảng nhóm viết lông, keo dán giấy, nam châm.

- KHBD, SGK, SGV

- PHT, Bảng kiểm

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Suy nghĩ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV đặt câu hỏi: Sau khi đọc xong một tác phẩm văn học về truyện ngắn hay tiểu thuyết chắc hẳn	*** HS chia sẻ:** có thể viết bài văn phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học

có những nhân vật để lại những ấn tượng sâu sắc cho em, vậy muốn chia sẻ với người khác về ý kiến, quan điểm của em về nhân vật ấy thì em có thể chia sẻ bằng cách nào? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS thảo luận, trao đổi và tìm câu trả lời. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - GV tổ chức hoạt động, gọi 2-3 HS bất kì trả lời - HS trình bày sản phẩm. HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới	

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động tìm hiểu tri thức về kiểu bài

a. Mục tiêu: Kích hoạt kiến thức nền của HS về văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS trình bày hiểu biết về văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS thảo luận và trả lời câu hỏi: + Văn nghị luận là gì? Văn nghị luận viết ra nhằm mục đích gì? + Các yếu tố cơ bản của văn nghị luận là gì? + Trong bài văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng tác giả đưa ra phải căn cứ vào đâu? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**	*** Kích hoạt kiến thức nền** - HS nhắc lại những yêu cầu về văn bản nghị luận về một tác phẩm văn học.

- HS thảo luận nhóm và tìm câu trả lời. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Đại diện 2-3 nhóm HS trình bày trước lớp; các nhóm khác góp ý, bổ sung (nếu có). **Bước 4: Kết luận, nhận định** - Dựa trên câu trả lời của HS, GV nhận xét, bổ sung và giới thiệu nội dung bài học.	

2. Hoạt động tìm hiểu tri thức về bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

a. Mục tiêu: Nhận biết được khái niệm, yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về khái niệm, yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

d. Tổ chức thực hiện:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td>

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV yêu cầu HS đọc khung thông tin trong SGK/ tr.67-68, thảo luận và trả lời câu hỏi:
+ Bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học thuộc thể văn gì, viết về điều gì?
+ Khi viết bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học, em cần chú ý những yêu cầu nào?
+ Trình bày bố cục bài viết phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.
- Sau khi trả lời các câu hỏi, HS điền vào bảng sau:

</td><td>

I. Tìm hiểu tri thức về kiểu văn bản
1. Khái niệm:
- Bài văn phân tích đặc điểm nhân vật văn học thuộc thể văn nghị luận văn học. Trong đó, người viết đưa ra ý kiến bàn về đặc điểm của các nhân vật trong một tác phẩm văn học.
2. Yêu cầu đối với kiểu bài:

<table>
<tr><th colspan="2">Yêu cầu đối với kiểu bài</th></tr>
<tr><td>Nội dung</td><td>- Giới thiệu được nhân vật cần phân tích
- Trình bày được ý kiến của người viết về các đặc điểm khái quát từ nét tính</td></tr>
</table>

</td></tr>
</table>

Yêu cầu đối với kiểu bài	
Nội dung	
Lí lẽ	
Bằng chứng	
Bố cục bài viết	

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS thực hiện nhiệm vụ học tập, trao đổi với bạn cùng bàn

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Đại diện 2-3 HS trình bày trước lớp ý kiến của mình câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

	cách, phẩm chất nhân vật.
Lí lẽ	Đưa ra lí lẽ rõ ràng, thuyết phục để làm sáng tỏ ý kiến
Bằng chứng	Đưa ra bằng chứng là các chi tiết, sự việc, lời nói, trích dẫn từ văn bản để làm sáng tỏ lí lẽ
Bố cục bài viết	- Mở bài: Giới thiệu nhân vật cần bàn luận và thể hiện ý kiến của người viết về đặc điểm của nhân vật - Thân bài: Giới thiệu về tác giả, tác phẩm để giúp người đọc hiểu them về nhân vật cần phân tích. Khẳng định ý kiến về các đặc điểm của nhân vật, đưa ra lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến; các lí lẽ và bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí. - Kết bài: Khẳng định lại ý kiến của người viết về đặc điểm nhân vật, nêu cảm nghĩ của người viết về nhân vật.

3. Hoạt động hướng dẫn phân tích kiểu văn bản

a. Mục tiêu: Nhận biết được các đặc điểm của kiểu bài thông qua việc đọc và phân tích văn bản mẫu

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS về đặc điểm, yêu cầu của kiểu bài thông qua việc phân tích văn bản mẫu.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS đọc thầm VB mẫu (SGK/tr.68 - 69), chú ý đến những phần đánh số và khung thông tin tương ứng. Sau đó, GV cho HS thảo luận nhóm đôi với các câu hỏi hướng dẫn phân tích kiểu văn bản bên dưới (SGK/tr.69). **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** - Cá nhân HS đọc văn bản mẫu, theo dõi các thông tin trong khung hướng dẫn, tìm câu trả lời cho các câu hỏi hướng dẫn phân tích văn bản. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Một số HS trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu có). - HS nêu câu hỏi thắc mắc (nếu có). **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV góp ý cho câu trả lời của HS, hướng dẫn HS kết luận vấn đề theo định hướng: Qua phần phân tích văn bản mẫu, HS cần: + Nhận biết bố cục của bài văn, chức năng của ba phần trong bài văn văn. + Nhận ra vai trò quan trọng lí lẽ và bằng chứng cũng như việc sắp xếp lí lẽ và bằng chứng trong bài viết.	**II. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản** ***Câu 1***: - Bài văn viết về nhân vật cụ Bơ-mơn trong truyện Chiếc lá cuối cùng của nhà văn Ô-Hen-ri. - Người viết đã trình bày ý kiến về đặc điểm nhân vật cụ Bơ-mơn: bác họa sĩ già giàu lòng nhân ái, có khát vọng nghệ thuật cao đẹp. ***Câu 2***: Khi trình bày lí lẽ, bằng chứng để làm rõ đặc điểm nhân vật cần chú ý: - Lí lẽ cần thuyết phục, rõ ràng. - Bằng chứng cần xác thực, phong phú. - Lí lẽ, bằng chứng cần được sắp xếp theo trình tự hợp lí. ***Câu 3***: Ở phần kết bài, tác giả đã khẳng định lại một lần nữa về phẩm chất, con người cụ Bơ-mơn. Đồng thời, tác giả nêu cảm nghĩ về nhân vật, tự rút ra bài học cho bản thân trong cuộc sống.

4. Hoạt động hướng dẫn quy trình viết

4.1. Hoạt động khởi động

a. Mục tiêu: Kích hoạt kiến thức nền về quy trình viết.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về quy trình viết.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ **- GV yêu cầu HS đọc đề bài trong SGK/tr.69** - GV yêu cầu HS kể tên 4 bước trong quy trình viết một đoạn văn. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS thảo luận theo cặp và trả lời nhanh ra giấy. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS trình bày trước lớp. Các HS khác bổ sung (nếu có). **Bước 4: Kết luận, nhận định** - Dựa vào câu trả lời của HS, GV dẫn dắt HS ôn lại quy trình viết trong hoạt động tiếp theo.	**III. Hướng dẫn quy trình viết** *** Quy trình viết gồm bốn bước:** Bước 1: chuẩn bị trước khi viết Bước 2: tìm ý và lập dàn ý Bước 3: viết bài Bước 4: xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

4.2. Hoạt động ôn lại quy trình viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

a. Mục tiêu: Ghi nhớ các bước trong quy trình viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

b. Nội dung: HS sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi vào PHT số 1

c. Sản phẩm: Bảng tóm tắt của HS về quy trình viết theo mẫu sau:

QUY TRÌNH VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC.	
Quy trình viết	**Thao tác cần làm**
Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết	
Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý	
Bước 3: Viết bài văn	
Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm	

d.Tổ chức thực hiện

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV và HS</th><th>Dự kiến sản phẩm</th></tr>
<tr><td rowspan="4">Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và hoàn thành thông tin vào bảng theo mẫu.
- GV
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập
- HS thảo luận theo cặp và ghi đáp án vào phiếu.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận
- Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp. Các</td><td>
<table>
<tr><th colspan="2">QUY TRÌNH VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC</th></tr>
<tr><th>Quy trình viết</th><th>Thao tác cần làm</th></tr>
<tr><td rowspan="3">Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết</td><td>- Xác định mục đích</td></tr>
<tr><td>- Xác định đối tượng người đọc</td></tr>
<tr><td>- Xác định đề tài
- Thu thập tư liệu</td></tr>
<tr><td>Bước 2: Tìm ý</td><td>- Để tìm ý cho đoạn văn, em hãy:
+ Đọc lại toàn bộ tác phẩm thống kê</td></tr>
</table>
</td></tr>
</table>

<table>
<tr>
<td>nhóm khác bổ sung (nếu có).

Bước 4: Kết luận, nhận định
- GV nhận xét quá trình làm việc nhóm của HS thông qua việc quan sát. GV chú ý đánh giá mức độ chủ động của HS trong việc đề xuất mục đích hợp tác trước khi các em bắt đầu thảo luận.
- GV nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ.</td>
<td>và lập dàn ý</td>
<td>lại biểu hiện các phương diện tạo nên chân dung nhân vật trong tác phẩm
+ Rút ra được các đặc điểm nhân vật thể hiện trong tác phẩm
+ Khái quát lại tính cách, phẩm chất nhân vật bằng các từ ngữ thích hợp

- Lập dàn ý theo sơ đồ hướng dẫn sau:

<table>
<tr><td>MỞ BÀI</td><td>- Nhân vật tôi phân tích là: ……
- Ý kiến của tôi về đặc điểm thứ nhất của nhân vật……...</td></tr>
<tr><td>TH ÂN BÀI</td><td>1. Phân tích đặc điểm thứ nhất của nhân vật:
–Ý kiến của tôi về đặc điểm thứ nhất của nhân vật
– Lí lẽ 1: ……
– Bằng chứng: ……
– Lí lẽ 2: ……
– Bằng chứng: ……</td></tr>
</table>
</td>
</tr>
</table>

			…… 2. Phân tích đặc điểm thứ hai của nhân vật: – Ý kiến của tôi về đặc điểm thứ hai của nhân vật: …… – Lí lẽ 1: …… – Bằng chứng: …… – Lí lẽ 2: …… – Bằng chứng: ……
		KẾT BÀI	– Khẳng định lại ý kiến: …….. – Cảm nghĩ về nhân vật: ……
	Bước 3: Viết bài văn	- Dựa vào dàn ý, viết bài văn hoàn chỉnh. - Khi viết, cần chú ý: + Để bài văn mach lạc, rõ rang cần có những câu văn nêu rõ ý kiến của người viết và sử dụng từ có chức năng chuyển ý + Có thể trao đổi với những ý kiến	

		khác về nhân vật để tạo sự hấp dẫn cho bài viết + Khi triển khai bằng chứng, cần tránh kể lại truyện, chú ý phân tích, nêu ý nghĩa của bằng chứng
	Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm	- Xem lại và chỉnh sửa: Dựa vào bảng kiểm SGK/tr.72.
		- Rút kinh nghiệm: Từ bài viết của mình, em rút ra được kinh nghiệm gì về việc viết một bài văn phân tích đặc điểm nhân vật văn học?

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC.

1. Hoạt động chuẩn bị trước khi viết

a. Mục tiêu: Biết cách xác định mục đích, đối tượng và đề tài của bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, tác phẩm văn học HS yêu thích, kiến thức đã học để hoàn thành yêu cầu

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS về việc xác định mục đích, đối tượng, đề tài và thu thập tài liệu của bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học theo PHT số 1 sau:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1	
Nhân vật cần phân tích: **Truyện:** **Tác giả:**	
Phương tiện	**Biểu hiện trong truyện**
Ngoại hình	

Lời nói:	
Hành động	
Suy nghĩ	
Mối quan hệ với các nhân vật khác	

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV cho HS đọc đề bài trong SGK/tr.69. Sau đó yêu cầu HS xác định mục đích, đối tượng và đề tài cho bài viết của mình qua các câu hỏi: - Với đề tài này, em sẽ viết đoạn văn cho ai, nhằm mục đích gì? - Với đối tượng và mục đích ấy, em dự định sẽ chọn cách viết như thế nào? - Em sẽ chọn viết về đề tài gì - Em sẽ thu thập tư liệu như thế nào? **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS suy nghĩ, tìm câu trả lời. - GV hỗ trợ, đưa ra bài mẫu vài tư liệu giúp HS hình dung cách làm - HS thu thập tư liệu theo PBT số 1 (bảng SGK/tr.70)	**IV. Luyện tập** **Đề bài:** Em hãy viết bài văn (khoảng 400 đến 500 chữ) phân tích nhân vật văn học mà em có ấn tượng sâu sắc *** Bước 1: Chuẩn bị viết** **+ Đối tượng:** người đọc là những người những nhân vật trong tác phẩm văn học nổi tiếng. **+ Mục đích:** chia sẻ quan điểm, ý kiến của mình về một nhân vật văn học để lại ấn tượng sâu sắc cho bản thân với người đọc. **+ Đề tài:** viết bài văn (khoảng 400 đến 500 chữ) phân tích nhân vật văn học mà em có ấn tượng sâu sắc. + **Thu thập tư liệu**: (bảng mẫu của giáo viên đưa ra cho học sinh tham khảo)

PHT SỐ 1	
Nhân vật cần phân tích: **Truyện:** **Tác giả:**	
Phương tiện	**Biểu hiện trong truyện**

PHT SỐ 1	
Nhân vật cần phân tích: Sọ Dừa **Truyện cổ tích**: Sọ Dừa	
Phương tiện	**Biểu hiện trong truyện**
Ngoại hình	xấu xí, dị dạng: không chân, không tay, tròn như một quả

Ngoại hình	
Lời nói:	
Hành động	
Suy nghĩ	
Mối quan hệ với các nhân vật khác	

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày trước lớp sau khi thu thập tư liệu vào PHT số 2
- HS góp ý, bổ sung, chỉnh sửa

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá.

	dừa
Lời nói:	- Mẹ ơi, con là người đấy, đừng vứt con mà tội nghiệp - Gì chứ chăn bò thì con chăn cũng được. mẹ cứ nói với phú ông cho con đến ở chăn bò
Hành động, suy nghĩ	- Xin mẹ không bỏ mình đi - Chăn bò cho phú ông - Thổi sáo khiến cô gái út cảm động - Chủ động bảo mẹ xin cưới con gái phú ông và tự lo liệu mọi thứ lễ vật - Lo đèn sách thi đỗ trạng nguyên - Chuẩn bị vật phòng thân cho vợ trước khi đi sứ - Đưa vợ từ trong buồng ra trước mặt hai cô chị
Mối quan hệ với các nhân vật khác	- Với mẹ: Rất lễ phép, tự lập không cần mẹ lo cho bản thân - Với phú ông: Chăn bò chăm chỉ, thông minh, giỏi giang - Với vợ: Thủy chung, cẩn thận đề phòng xa cho tình huống xấu - Với 2 bà chị: Nghiêm khắc, thẳng thắn trừng trị thói xấu

2. Hoạt động tìm ý, lập dàn ý và viết bài (có thể thực hiện tại nhà)

a. Mục tiêu: Biết tìm ý, lập dàn ý và viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, tác phẩm văn học HS yêu thích, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập

c. Sản phẩm: Sơ đồ tìm ý, dàn ý và bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Sau khi hoàn thành PHT số 2, GV yêu cầu: (1) HS dựa vào PHT số 2 để tìm ý và điền vào sơ đồ SGK /tr70 như sau: 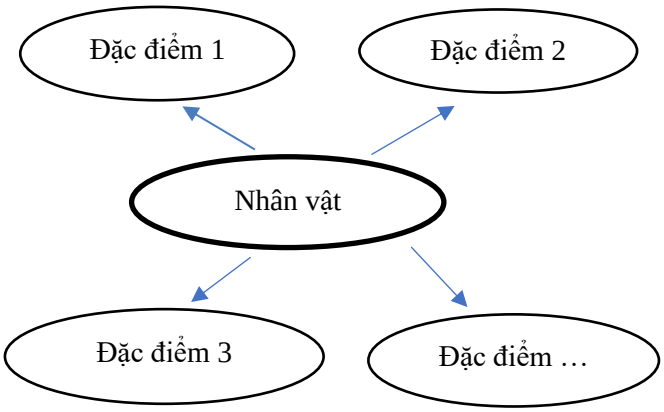 (2) Lập dàn ý + Mở bài: giới thiệu nhân vật cần phân tích; nêu ý kiến của người viết về đặc điểm của nhân vật. + Thân bài: Lần lượt phân tích các đặc điểm của nhân vật: Ý kiến về đặc điểm nhân vật; lí lẽ; bằng chứng… + Kết bài: khẳng định lại ý kiến của người viết; nêu cảm nghĩ về nhân vật. Sau đó, cho HS trao đổi dàn ý trong nhóm đôi để góp ý cho nhau. (3) HS sẽ viết đoạn văn dựa trên dàn ý (thực hiện cá nhân).	*** Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý** - Sản phẩm là sơ đồ tìm ý, dàn ý của HS. *** Bước 3: Viết bài** Sản phẩm bài viết phân tích nhân vật văn học của HS

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Với nhiệm vụ (1,2): HS thực hiện tại lớp. - Với nhiệm vụ (3): HS thực hiện tại nhà. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS đại diện trình bày kết quả làm việc của nhóm. HS khác thảo luận, bổ sung (nếu có). - Bài văn của HS sẽ được đọc trong hoạt động tiếp theo (Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm). **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV nhận xét về mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của HS trong thời gian viết do GV quy định.	

3. Hoạt động xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm

a. Mục tiêu: Biết cách chỉnh sửa bài viết của bản thân và các bạn, rút kinh nghiệm viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

b. Nội dung: HS dựa vào bài đã viết vàdựa vào góp ý của các bạn và GV để chỉnh sửa bài viết, rút kinh nghiệm

c. Sản phẩm: Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS và những kinh nghiệm rút ra của HS về quy trình viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

Bảng kiểm bài văn phân tích đặc điểm nhân vật

Các phần của bài viết	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu nhân vật cần phân tích.		
	Nêu được ý kiến của người viết về đặc điểm của nhân vật.		
Thân bài	Nêu được ít nhất hai đặc điểm tính cách nhân vật.		
	Nêu được lí lẽ để lí giải cho các đặc điểm nhân vật cần phân tích.		
	Nêu được bằng chứng xác đáng, thuyết phục từ tác phẩm để làm rõ đặc điểm nhân vật.		
	Sắp xếp các lí lẽ, bằng chứng theo một trình tự hợp lí.		
Kết bài	Khẳng định lại ý kiến của người viết về đặc điểm nhân vật.		
	Nêu cảm nghĩ về nhân vật.		

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS trao đổi bài viết cho nhau theo nhóm đôi và dựa vào bảng kiểm trong SGK/tr.72 để đánh giá, nhận xét về bài viết của bạn. GV yêu cầu HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân sau khi viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS trao đổi bài viết cho nhau và nhận xét dựa vào bảng kiểm trong SGK/tr.72. - HS ghi lại những kinh nghiệm của bản thân. **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - Một số HS đọc bài viết trước lớp, sau đó các HS khác chia sẻ, nhận xét về bài viết của bạn (dựa trên bảng kiểm).	*** Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm** **- Sản phẩm:** Phần nhận xét, đánh giá bài viết của HS. **Sản phẩm**: Những kinh nghiệm rút ra của HS về quy trình viết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

- Một số HS chia sẻ những kinh nghiệm mà mình rút ra được. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV đánh giá và nhận xét trên hai phương diện: (1) Những ưu điểm cần phát huy và những điểm cần chỉnh sửa trong các bài viết. (2) Cách nhận xét, đánh giá bài viết dựa vào bảng kiểm của HS (HS đã biết sử dụng bảng kiểm chưa? HS có nhận ra những ưu khuyết điểm của mình và các bạn hay không?) Trong trường hợp HS chưa biết dùng bảng kiểm, GV sử dụng kĩ thuật nói to suy nghĩ để hướng dẫn HS sử dụng bảng kiểm và nhận xét. - GV nhận xét, đánh giá, chốt ý.	

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG VÀ MỞ RỘNG (Thực hiện tại nhà)

a. Mục tiêu: Biết vận dụng quy trình viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

b. Nội dung: HS dựa vào góp ý của các bạn và GV, HS công bố trên blog cá nhân hay trang web của lớp

c. Sản phẩm: Bài viết đã được công bố của HS.

d. Tổ chức thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Từ bài viết đã hoàn thành trên lớp, GV cho HS về nhà lựa chọn một trong hai nhiệm vụ: (1) Sửa bài viết cho hoàn chỉnh và công bố. (2) Chọn một đề tài khác để viết bài mới và công bố. **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** - HS về nhà thực hiện một trong hai nhiệm vụ trên và công bố bà viết. HS có thể công bố bài	*** Sản phẩm**: Bài viết đã được công bố của HS. HS có thể công bố bài viết trên blog cá nhân, trên trang web của lớp, …

viết trên blog cá nhân, trên trang web của lớp, … **Bước 3: Báo cáo, thảo luận** - HS giới thiệu bài viết đã được chỉnh sửa, công bố đến các bạn khác trong lớp. **Bước 4: Kết luận, nhận định** - GV và HS tiếp tục sử dụng bảng kiểm trong SGK để xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm đối với bài viết đã được công bố.	

PHT số 1

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1	
Nhân vật cần phân tích: **Truyện:** **Tác giả:**	
Phương tiện	**Biểu hiện trong truyện**
Ngoại hình	
Lời nói:	
Hành động	
Suy nghĩ	
Mối quan hệ với các nhân vật khác	

BẢNG KIỂM

Bảng kiểm bài văn phân tích đặc điểm nhân vật

Các phần của bài viết	Nội dung kiểm tra	Đạt	Chưa đạt
Mở bài	Giới thiệu nhân vật cần phân tích.		
	Nêu được ý kiến của người viết về đặc điểm của nhân vật.		
Thân bài	Nêu được ít nhất hai đặc điểm tính cách nhân vật.		
	Nêu được lí lẽ để lí giải cho các đặc điểm nhân vật cần phân tích.		
	Nêu được bằng chứng xác đáng, thuyết phục từ tác phẩm để làm rõ đặc điểm nhân vật.		
	Sắp xếp các lí lẽ, bằng chứng theo một trình tự hợp lí.		
Kết bài	Khẳng định lại ý kiến của người viết về đặc điểm nhân vật.		
	Nêu cảm nghĩ về nhân vật.		

Chân trời sáng tạo

NÓI VÀ NGHE
THẢO LUẬN NHÓM VỀ VẤN ĐỀ GÂY TRANH CÃI
Thời gian : 2 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống.

- Biết nêu ý kiến, dùng lời lẽ, bằng chứng thuyết phục.

- Biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.

b. Năng lực riêng biệt:

- Trình bày, bày tỏ ý kiến quan điểm của mình về một vấn đề trong đời sống.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực, mạnh dạn, tự tin bày tỏ quan điểm cá nhân trước một vấn đề.

- Bồi dưỡng tâm hồn, tôn trọng góc nhìn của mọi người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV.

- Máy chiếu, máy tính.

- Phiếu đánh giá theo tiêu chí HĐ nói, bảng kiểm

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: GV đặt câu hỏi, HS xem clip, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Suy nghĩ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - *Gv đặt câu hỏi:* *+ Người mẹ trong đoạn clip trên có yêu thương cô bé không. Tại sao bà lại nói như vậy?* *+ Hành động của cô bé như vậy là đúng hay sai?*	- Hs chia sẻ ý kiến: - Người mẹ trong đoạn clip trên rất yêu thương con nhưng vì cuộc sống mưu sinh nên người mẹ có lời nói và hành động chưa tế nhị với con. - Cô bé vì quá bức xúc nên có thái

+ Cô có yêu mẹ mình không? *- GV chiếu clip* - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ** - HS xem clip - GV quan sát, hỗ trợ **Bước 3: Báo cáo kết quả .** - Gv yêu cầu hs trả lời. - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung **Bước 4: Kết luận nhận định .** - Gv nhận xét, dẫn dắt vào bài Trong clip trên người mẹ , cô gái đúng hay sai?. Đó chính là một vấn đề mà chúng ta cần thảo luận. Và đó cũng là nội dung của tiết học ngày hôm nay.	độ và hành động không đúng nhưng cô rất yêu mẹ mình.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Chuẩn bị bài nói

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

b. Nội dung: Hs sử dụng sgk, kiến thức trong thực tế, mạng ... chắt lọc kiến thức để tiến hành thảo luận.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ:	**1. Chuẩn bị bài nói** - Xác định đề tài, người nghe,

<table>
<tr>
<td>
+ Gv chia lớp thành 4 nhóm và giao hs làm dàn ý ở nhà trước. Mỗi nhóm một đề khác nhau.
+ GV phát PHT số 1 cho hs.
+ GV yêu cầu: xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói theo PHT số 1
PHT số 1
<table>
<tr><td>Yếu tố</td><td>Dự kiến của tôi</td><td>Cách thức trình bày phù hợp</td></tr>
<tr><td>Mục đích bài nói</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Người nghe</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Thời gian</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>Không gian</td><td></td><td></td></tr>
</table>
+ Tìm ý, lập dàn ý theo PHT số 2
- HS tiếp nhận nhiệm vụ.
Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ
- HS quan sát, lắng nghe và trả lời
- GV quan sát, hỗ trợ
Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận
- Gv tổ chức hoạt động
- HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ
- Gv nhận xét, chốt ý
</td>
<td>
mục đích, không gian và thời gian nói.
- Tìm ý và lập dàn ý
</td>
</tr>
</table>

Hoạt động 2: Thảo luận

a. Mục tiêu: Biết được các kĩ năng khi trình bày bài thảo luận.

b. Nội dung: Các ý kiến đưa ra để thảo luận về một vấn đề nào đó trong cuộc sống.

c. Sản phẩm học tập: HS đưa ra ý kiến của mình đồng tình hay không đồng tình.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ	**2. Thảo luận:**

- Gv chuyển giao nhiệm vụ *+ Trong nhóm cử một đại diện làm nhóm trưởng và thư ký,* *+ Nhóm trưởng điều hành nhóm, thư ký ghi chép lại các ý kiến của các bạn* *+ Phản biện ý kiến của mình vào phiếu học tập số 3* - Hs tiếp nhận **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận. - Hs phản biện ý kiến của mình theo PHT số 3. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - Hs bày tỏ ý kiến quan điểm riêng cá nhân. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV quan sát, hướng dẫn	Sản phẩm của nhóm sau khi đã thống nhất.

Hoạt động 3: Trình bày .

a. Mục tiêu: Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

b. Nội dung: Trình bày đề tài mà tổ đã bốc thăm.

c. Sản phẩm học tập: Bài thảo luận của hs

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ *+ Gv tổ chức buổi tọa đàm: HS đóng vai người trình bày và đóng vai người tham dự.* *+ GV chọn HS trình bày bài nói. Đồng thời GV yêu cầu những HS dưới lớp lắng nghe, đánh giá dựa vào bảng kiểm.* - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	**3. Trình bày** - Lựa chọn từ ngữ phù hợp với văn nói. - Khi nói cần kết hợp ngôn ngữ hình thể, cử chỉ, điệu bộ, nét mặt… - Sử dụng những từ ngữ liên kết: mặt khác, song song, bên cạnh đó,

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS trình bày. **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - HS trình bày sản phẩm thảo luận sau khi đã chỉnh sửa. - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.	tuy nhiên… - Chuẩn bị phần mở đầu và phần kết thúc bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm gây sự chú ý từ người nghe. - Cần dựa vào phần tóm tắt đã chuẩn bị trước. - Trình bày theo trình tự đã chuẩn bị.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, vận dụng để thảo luận

b. Nội dung: HS dựa vào góp ý của các bạn và GV, học sinh quay video hoặc thiết kế infographic bài thảo luận theo đề tài mà tổ bốc thăm.

c. Sản phẩm học tập: Video của nhóm học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ Từ nhận xét, góp ý của cô và các bạn, em hãy quay video bài nói của mình (có thể chèn nhạc phù hợp, kết hợp hình ảnh…) hoặc thiết kế infographic - HS tiếp nhận nhiệm vụ. **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - Hs thực hiện ở nhà **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**	- Hs quay video bài nói, thiết kế infographic gửi cho giáo viên

Hs nộp sp **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - GV thu nhập sản phẩm của hs qua mail hoặc zalo - Gv nhận xét ưu, khuyết bài của hs.	

Bảng kiểm trình bày ý kiến về một vấn đề trong cuộc sống

Nội dung kiểm tra	Đạt/chưa đạt
Bài trình bày đủ các phần giới thiệu, nội dung và kết thúc.	
Mở đầu và kết thúc ấn tượng, thu hút.	
Thể hiện được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người nghe.	
Người trình bày nói rõ ràng, rành mạch và đúng thời gian quy định.	
Người trình bày tự tin, nhìn vào người nghe khi nói, sử dụng giọng điệu và điệu bộ hợp lí.	
Người trình bày ghi nhận và phản hồi thỏa đáng những câu hỏi, lí lẽ phản biện của khán giả.	

PHT số 2: Tìm ý , lập dàn ý

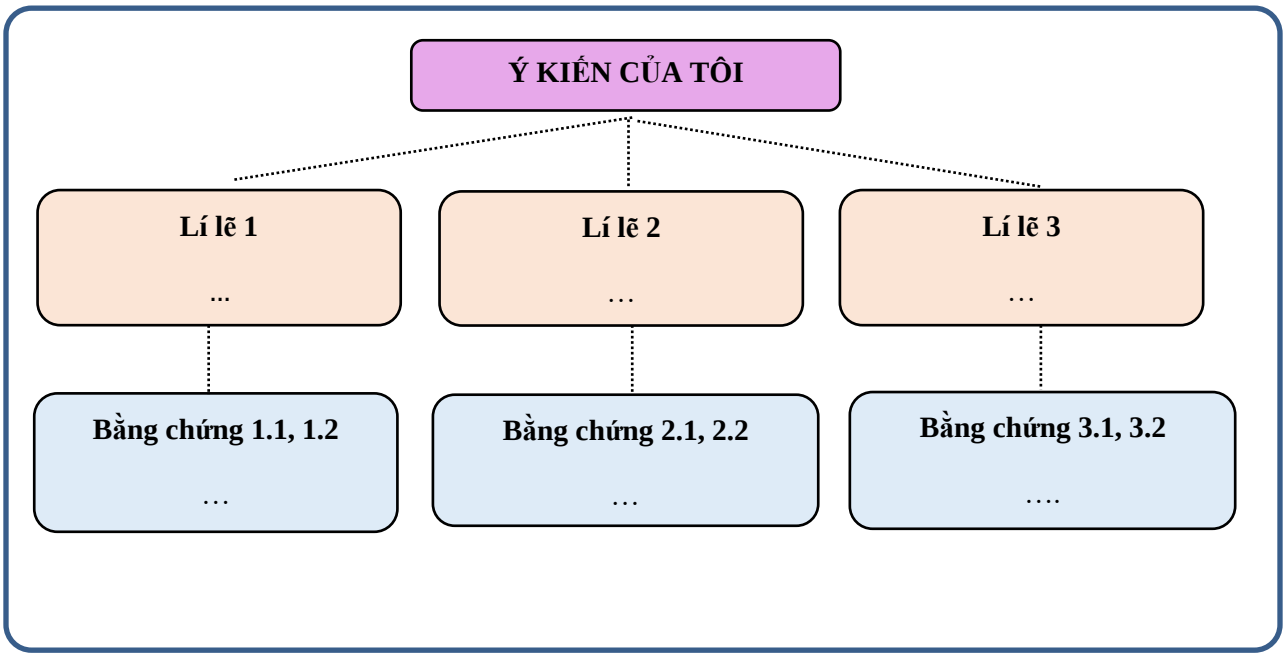

PHT số 3: Dự kiến các ý kiến phản biện và chuẩn bị phản biện

Ý kiến cần phản hồi	Ý kiến đồng tình của các thành vên trong nhóm	Ý kiến phản bác của các thành vên trong nhóm
Ý kiến 1:……		
Ý kiến 2 :……		
Ý kiến 3:……		

ÔN TẬP

Thời gian: 1 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Hiểu được các đặc điểm của văn nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

- Hiểu được các đặc điểm, cách viết/ trình bày bài văn trình bày phân tích một tác phẩm văn học

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực nhận diện các đặc điểm của bài văn nghị luận.

- Năng lực viết/ nói bài văn trình bày về một hiện tượng đời sống và phân tích một tác phẩm văn học.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, SGK, SGV, SBT

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0,

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV

c. Sản phẩm: Suy nghĩ của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ **GV tổ chức trò chơi nhớ lâu, nhớ kĩ** - Gv giao nhiệm vụ: - Lớp làm 2 nhóm, yêu cầu HS gấp hết SGK, tập vở lại. - Lớp chia thành 2 đội. Hai đội ghi nhanh vào Phiếu học tập 01 nhắc lại những nội dung và kiến thức đã được học trong bài 8: Những góc nhìn cuộc sống theo mẫu **PHT số 1** **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - Hs trao đổi và điền vào PHT số 1 **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**	- **VB1:** Em bé thông minh - nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian - **VB2**:Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao trong đầm gì đẹp bằng sen. - **VB3:** Bức thư chú lính chì dũng cảm. - **TV:** Nghĩa của từ Hán Việt. - **VB4:** Sức hấp dẫn của truyện ngắn chiếc lá cuối cùng. - **Viết:** Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác

Hs trình bày sp **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - Gv nhận xét ưu, khuyết bài của hs. - GV dẫn dắt vào bài	phẩm văn học. - **Nói và nghe:** Thảo luận nhóm về vấn đề gây tranh cãi.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Ôn tập kiến thức về phần văn nghị luận

a) **Mục tiêu:** HS nắm được đặc điểm khi phân tích 1 bài văn nghị luận.

b) Nội dung: Nhóm 1 trả lời câu hỏi 1,3

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: Hs đọc và trả lời câu hỏi: 1,3 **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ** - HS thảo luận - GV quan sát, hỗ trợ **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - Gv tổ chức hoạt động - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - Gv nhận xét, chốt ý	**I. Ôn tập** **1. Ôn tập phần viết.** Câu 1: - Thể hiện rõ ý kiến của người viết về tác phẩm cần bàn luận, có thể là nhân vật, chi tiết, ngôn từ,.. - Trình bày lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc, người nghe. Các lí lẽ, bằng chứng cần căn cứ vào tác phẩm đang bàn luận. - Lí lẽ là những lí giải, phân tích về tác phẩm. - Bằng chứng là những sự việc, chi tiết, từ ngữ, trích dẫn,..từ tác phẩm để làm sáng tỏ lí lẽ. -Các lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

	Câu hỏi 3: Khi viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học, cần lưu ý: - Giới thiệu được nhân vật cần phân tích. - Trình bày được ý kiến của người viết về các đặc điểm của nhân vật. - Đưa ra lí lẽ rõ ràng, thuyết phục làm sáng tỏ ý kiến. - Đưa ra những bằng chứng là các chi tiết, sự việc, lời nói, trích dẫn từ văn bản để làm sáng tỏ lí lẽ. - Đảm bảo nội dung bố cục của bài.

Hoạt động 2: Ôn tập về đọc

a) Mục tiêu: HS nắm được nội dung của các văn bản đã học.

b) Nội dung: Nhóm 2 trả lời câu hỏi 2

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ: + C*hia lớp thành 4 nhóm.* *+ Mỗi nhóm hoàn hoàn thành 1 ý bài tập 2 theo bảng trong SGK/75 (PHT số 2)* - HS tiếp nhận nhiệm vụ.	**I. Ôn tập** **2. Ôn tập văn bản đọc** ***Câu 3*** Bảng hoàn thành của học sinh.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS quan sát, lắng nghe và trả lời - GV quan sát, hỗ trợ **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** - Gv tổ chức hoạt động - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** - Gv nhận xét, chốt ý	

Hoạt động 2: Thực hành Tiếng Việt

a) Mục tiêu: HS tìm và giải nghĩa được từ có các yếu tố Hán Việt đã được học trong bài

b) Nội dung: Nhóm 3 trả lời câu hỏi 5

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: HS đọc và trả lời câu hỏi số 5/75 - HS thực hiện nhiệm vụ **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**	**3. Ôn tập phần thực hành Tiếng Việt** - Huynh đệ: anh em - Tỷ muội: chị em - Hải cẩu: chó biển

+ HS thực hiện nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + HS trình bày sản phẩm. **Bước 4: Kết luận, đánh giá:** GV nhận xét, chốt	- Thi sĩ: nhà thơ - Phu thê: vợ chồng - Phụ nữ: đàn bà - Nhi đồng: trẻ em - Băng hà: chết - Bằng hữu: bạn bè - Phu nhân: vợ

Hoạt động 3: Nói và nghe

a) Mục tiêu: HS biết được cách trình bày bài nói.

b) Nội dung: hs trả lời câu hỏi 4,6

c) Sản phẩm: câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ *+ Bài số 4 hs họat động cá nhân* *+ Bài số 6 chia sẻ sản phẩm của mình bằng pp hoặc infographic theo mẫu trong sgk/75* - HS thực hiện nhiệm vụ **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**	**4. Ôn tập phần nói và nghe** **Câu 4:** **+ Các bước** **B1: Chuẩn bị:** - Thành lập nhóm và phân công công việc - Chuẩn bị nội dung buổi thảo luận. - Thống nhất mục tiêu và thời

+ HS thực hiện nhiệm vụ **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận** + HS trình bày sản phẩm thảo luận, **Bước 4: Kết luận, đánh giá:** GV nhận xét, chốt	gian **B2: Thảo luận:** - Trình bày ý kiến. - Phản hồi các ý kiến. - Thống nhất ý kiến. + **Lưu ý:** - Thái độ: - Cách trình bày **=> Hs trình bày** **Câu 6: sp của hs.**

Bảng mẫu sgk/75

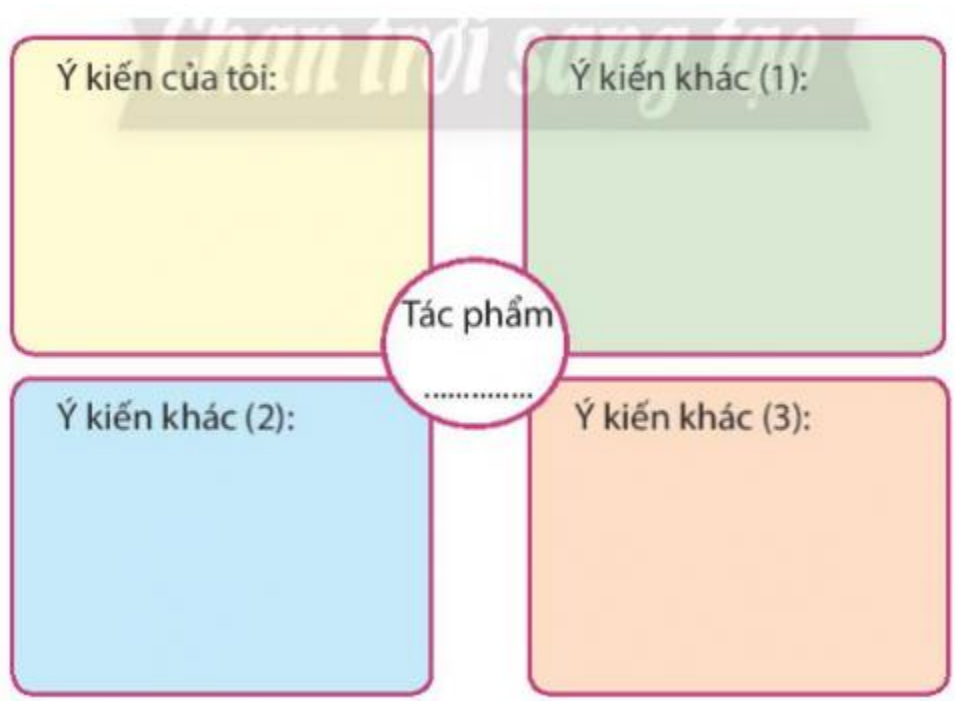

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- *GV đặt câu hỏi cho HS:*

- *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv tổ chức trò chơi - HS thực hiện nhiệm vụ **CÂU 1: Chủ đề của bài học là gì?** A. Cách nhìn cuộc sống. B. Những góc nhìn văn chương. C. Những góc nhìn cuộc sống. D. Cuộc sống muôn màu. **CÂU 2: "Chiếc lá cuối cùng" là tác phẩm của** A. O Hen - ri B. An - Phông xơ Đô đe C. Hem Minh Quây	Đáp án 1- B 2- A 3- B

D. Mác - kết. **CÂU 3: Các yếu tố trong văn nghị luận là** A. Lí luận. B. Lí lẽ, dẫn chứng. C. Bình luận. D. Tranh luận.	

PHT số 1

Kĩ năng	Nội dung cụ thể
Đọc - hiểu văn bản	**Nội dung cụ thể**
	Đọc hiểu văn bản: - Văn bản 1:……. - Văn bản 2: …… .
	Đọc kết nối chủ điểm: Văn bản 3: ……..
	Thực hành tiếng Việt:……
	Đọc mở rộng theo thể loại: Văn bản 4: ……
Viết	……
Nói và nghe	……..

PHT số 2

	Em bé thông minh – nhân vật kết tinh trí tuệ dân gian	**Hình ảnh hoa sen trong bài ca dao "Trong đầm gì đẹp bằng sen"**	**Sức hấp dẫn của truyện ngắn "Chiếc lá cuối cùng"**
Ý kiến	Truyện Em bé thông minh đề cao trí tuệ của nhân gian.	Hình ảnh cây sen được miêu tả cụ thể, chính xác, thể hiện triết lí sống cao đẹp của nhân dân.	Sức hấp dẫn của truyện Chiếc lá cuối cùng được thể hiện qua hình ảnh CLCC và kết thúc bất ngờ.
Lý lẽ và bằng chứng	- Lí lẽ 1: tình huống thử thách tư duy và việc sử dụng ngôn ngữ. - Bằng chứng 1: Trước câu hỏi khó.... có câu trả lời. - Lí lẽ 2: "Hai câu hỏi thử thách...giải pháp hợp lí". - Bằng chứng 2: "Nhờ nhanh trí...khiến vua bái phục." - Lí lẽ 3: "..người kể chuyện đã nâng nhân vật...truyện dân gian". - Bằng chứng 3: "để tôn vinh trí tuệ dân	- Lí lẽ 1: "trong đầm gì đẹp bằng sen" - Bằng chứng 1: "vì tác giả bài ca dao đã khéo léo trình bàu sự khẳng định....trở thành tương đối và có tính thuyết phục" - Lí lẽ 2: "lá xanh, bông trắng lại chen nhị vàng" - Bằng chứng 2: "từ "lá xanh" qua "bông trắng" đến "nhị vàng...bông hoa sen mới nở". - Lí lẽ 3: ...là câu chuyển (chuyển vần, chuyển nhịp, chuyển ý) để chuẩn bị cho	- Lí lẽ 1: "nhà văn ...chiếc lá cuối cùng một sự sống" - Bằng chứng 1: "Như đầu truyện đã viết....bất tử hóa nó"; "Sự hồi sinh ấy thật kì diệu...vẽ vịnh Na-pô-li" - Lí lẽ 2: "...Ô-Hen-ri mới để Xu kể...chiếc lá cuối cũng. - Bằng chứng 2: "Cụ Bơ-mơn đang khỏe mạnh...qua đời";

	gian,...nước láng giềng”; “người kể còn nhấn mạnh thêm tính trầm trọng...thời gian suy nghĩ”.	câu kết - Bằng chứng 3: "Bài ca dao đã có sự chuyển vần và thay đổi trật tự...vẫn chảy thông, chạy mạnh". - Lí lẽ 4: "gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn" - Bằng chứng 4: "Và thế là "sen" hóa thành người...giữ vững nhân cách thanh cao, trong sạch."	
Mục đích viết	Đề cao trí tuệ của nhân dân	Vẻ đẹp của hoa sen trong bài ca dao	Sức hấp dẫn của truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng.
Nội dung chính	Ngợi ca sự thông minh tài năng của tầng lớp nông dân .	Bài ca dao có nghệ thuật tuyệt vời và ý nghĩa triết lí nhân sinh.	Truyện ngắn chứa đựng giá trị nhân văn sâu sắc.